

TÁC-GIA :
ĐẶNG TRẦN-THƯỜNG

TÀN CUNG-NỮ' OÀN BÁI - CÔNG VĂN

TON-THAT-LUONG

Giáo-sư trường Trung-học Đồng-Khánh
chú-thích và dẫn-giải

NHÀ XUẤT BẢN

TỔ - NHƯ

1-Trần-văn Nhung-1

HUE

T U A



Vân-Bình tiên-sinh là một trong những bậc thâm-nho hiếm-hoi ngày nay. Tôi nghe tiếng Tiên-sinh đã lâu nhưng chưa được may mắn gặp gỡ. Phải chăng bởi Tiên-sinh và tôi đều mỗi người ở vào một thế-hệ khác ?

Trong một cuộc hội-dàm gần đây, tuy ngẫu nhiên nhưng vô cùng thân mật, tôi được làm quen với Tiên-sinh và trên địa-hạt văn-chương, chúng tôi như đã gần gũi nhau nhiều. Tôi khám phục tài học-vấn uyên-súc của Tiên-sinh chẳng phải vì đối với tôi, Tiên-sinh là bậc thầy thân mến mà thôi, mà chính ở chỗ Tiên-sinh là người đã dày công trong công việc tìm tòi, nghiên-cứu các áng văn hay của đất nước mà chưa mấy người được biết

Bài « Tần cung-nữ oán Bái-công » là một trong những áng văn ấy, tôi hân hạnh được Tiên-sinh cho xem bản thảo có chú thích rõ ràng. Bởi vì Tiên-sinh biết cách đây 15 năm tôi đã có dịp sao lục, chú-dẫn và xuất-bản áng văn ấy, nên Tiên-sinh muốn giao tôi so sánh hai công-trình. Thật ra, như tôi đã thưa cùng Tiên-sinh, áng văn ấy được xuất-bản là vì năm 1933 Cụ Phúc-trung-Ngọc (bạn của cụ Huỳnh-thúc-Kháng) có nhờ nhà in Tiếng-Dàn xuất bản áng-văn ấy với nhan-đề là Tần-cung-oán, có lời chú-dẫn. Tôi đọc kỹ tập ấy và nhận thấy còn thiếu sót nhiều câu, lại có lắm chỗ sai lầm (do sự tam sao thất bản) nên qua năm sau tôi cho xuất-bản tập « Tần cung-nữ oán Bái-công văn ». Công việc của tôi chỉ là một công-việc nhỏ nhặt, bỏ khuyết vào những sự thiếu sót nói trên vẫn chưa được chu đáo trong lời dẫn giải và chú thích như của Vân-Bình Tiên-sinh.

Một điểm hiện nay lời còn phân-ván là đời tư của tác-giả. Không có bộ sách nào biên-chép rõ ràng hơn, ngoài bộ « Đại-Nam liệt truyện ». Đọc lại đoạn tiểu-sử sau này của tác-giả, chúng ta nhận thấy trong ấy có sự bất công đối với Cụ Đặng-trần-Thường : lời văn đã diễn tả nỗi lòng u-uất của thi nhân. Sự u-uất nọ phải chăng là do hoàn-cảnh xã-hội lúc bấy giờ tạo thành ? Trong hàng ngũ quan-liêu, đầy dẫy hạng người tham quyền cố vị. Cụ Đặng-trần-Thường có lẽ là một trong những nạn-nhân của chế độ ấy. Thi-nhân vì mình như một cung-nữ. Lời oán thối thiết của mỹ-nhân bị hất hủi, mặc dầu đã phải nén lòng hiến thân cho người mời. Hất hủi do sự gièm pha của kẻ nịnh. Nếu câu thơ :

Nào thuở trước, núp rừng cây, nghe lạc ngựa, thấp-
thoáng bóng dù dạng kiêu, những than dài chí cả
trượng-phu,

Mà bây giờ, ngồi lầu ngọc, ngắm tranh người, xôn-
xao trên nệm dưới màn, lại làm nghe nhẽ ngôi cao hoàng-
đế !

làm bằng-chứng dễ buộc tội thì thiết-nghĩ cũng oan-tình cho thi-nhân. Chúng ta hãy gác một bên nỗi hoạn-lộ đáng phiền của Đặng Tiên-sinh mà chỉ biết rằng với một áng-văn kiệt tác như « Tần cung-nữ oán Bái-công », thi-nhân phải được giữ một địa-vị khả quan trên văn-dân đất nước.

Vĩ-Dạ, ngày 15 tháng 9 năm 1949

UNG-TRUNG

TIÊU-SÚ' CỦA DẶNG-TRẦN-THƯỜNG TIÊN-SINH

(Viết theo Đại-Nam chính biên liệt truyện)



Dặng-trần-Thường người tỉnh Sơn-Nam (tức là Nam-Định) phủ Chương-Đức, dòng dõi Dặng-đình-Huấn, quan Tham tụng đời Lê.

Thường học rộng tài cao, thi đỗ chức Sanh Đồ đời Lê.

Trong lúc Lê bị Tây-Son cướp ngôi, có nhiều người trước làm tôi Lê, nay làm quan Tây-Son.

Thường nguyên trước quen biết với Ngô-Nhâm, người huyện Thanh-Oai. Khi Nhâm lại làm Thượng thư bộ Binh triều Tây-Son, Thường năng đến thăm, cùng nhau nói việc đời :

Nhâm nói rằng : « Người quân tử quý-hở rõ lẽ thông biến, mới làm nên công nghiệp ; bằng như cứ tự lượng mình là kẻ thất-phu thì có ích gì ».

Nhâm lại lấy đẳng cấp và oai thế mà lấn hiếp Thường. Thường đứng dạy rủ áo ra về. Về nói với người nhà rằng : « Để coi, rồi đây ta giết thẳng giặc ấy ».

Từ đó Thường sinh lòng xa chạy cao bay.

Mùa đông năm Quý-Sửu, nhân gặp Nguyễn-đình-Dần ở Gia-Định về Bắc chiêu tập kẻ hào kiệt ; thì Thường cùng

với bọn Nguyễn-bá-Xuyến đi ghe vào Nam, đến Diên-Khánh, ra mắt Hoàng-tử-Cảnh, được cấp lộ phí vào Nam.

Mùa xuân năm Giáp-Dần đến cửa Càn-Giờ, cậy người dâng biểu; Vua xem lấy làm kỳ tài, đòi vào chầu. Thường đã tâu đối rất xứng đáng nên đã được vua dùng. Khi đã được dụng, Thường tỏ lòng cảm ân, phấn chí.

Vừa khi giặc Tây-Son đánh Diên-Khánh, vua đem binh đến cứu viện. Thường theo vua trù hoạch lắm phương kế hay. Khi về được thăng Tham-tri bộ Lại.

Mùa đông năm ấy giặc lại đánh Diên-Khánh. Thường lại theo Nguyễn-văn-Thành, điều bát, đem các đạo binh cứu viện.

Qua năm Ất Mão Thường làm chức Khâm-Sai tán lý quân vụ, theo quan Tiền Quân Tôn-thất-Hội trù hoạch các cơ lược trong quân.

Mùa Xuân năm Bính-Thìn, Thường lại đổi làm chức Hiệp-Trấn Diên-Khánh, theo Đại-tướng Nguyễn-hoàng-Đức, Phó-tướng Nguyễn-văn-Lượng. Hai vị này mỗi khi có ý gì trái ngược nhau, nhờ Thường điều giải mới được hòa hiệp. Thường thu xếp việc binh-dân, sắp đặt sự biên phòng rất đặc lực nên Thường đã được thăng chức Hiệp-Quản tiền-phong dinh tướng sĩ.

Năm Kỷ-Mùi, Vua thân chinh đến Qui-nhon, Thường lại theo Nguyễn-văn-Thành điều bát, đánh một trận tại đền Hội-An là nơi giặc đã đánh trước. Thường, đã hết sức chống cự, giặc phải thua chạy, bắt được mười ba thớt voi (Chiến tướng) đuổi giặc đến cầu Tân-An lại theo đại binh đến đánh thành Qui-Nhon rồi hạ lệnh « Càn-sự » cho quân nghỉ.

Về sau khi thành Bình-Định bị vây, dù có quân cứu viện cũng chưa giải vây được, thì Thường đã nghĩ được

muờ rằng (Theo binh pháp ; nên bỏ nơi cứng đánh nơ; mềm là không phương sách nào hay hơn). — là ra đánh Phú-Xuân.

Bèn đem kế ấy sai người ra nói với Lê văn - Duyệt rằng : « Nay bỏ Bình-Định mà đánh Phú-Xuân là nước « thí xe » trong phép đánh cờ tướng, Duyệt lấy làm phải.

Năm Tân-dậu Vua đem binh đánh lấy thành Phú-Xuân, mùa Thu năm ấy, tướng Tây-Son là Nguyễn-quang-Toản, vào đánh Phú-Xuân ; Vua được tin bèn đòi Thường ra Kinh, liền đem đạo binh của Thường coi cùng quan Tham biện Nhung Vụ Nguyễn-văn-Tuồng ra cự giặc tại Đồng-Hới.

Năm Nhâm-Tuất, Gia-Long nguyên-niên, quân ta ra đánh miền Bắc, quanh vùng Hương-Son, La - Son, gọi là « Kỳ-Binh », đánh lấy Nghệ-An mà lãnh chức trấn thủ, ra đánh lấy Bắc-Thành.

Khi Vua trú tất thành Thăng-Long, Thường vắng mệnh đến châu ở Cung Hành — tại ; đến khi hồi loan Thường lại lãnh chức Binh-Bộ mà lưu-thủ Bắc-Thành.

Năm Quý-Hợi, quan Tây - Son là Ngô-Nhâm và Phan huy Ích, Nguyễn gia Thiên về Kinh-đô đầu thú. Thường dâng sớ tâu rằng : « Bọn ấy thần đã làm tội Lê, lại nỡ lòng làm quân với Tây-Son. Chúng tôi nghĩ tội bọn ấy lớn hơn hết, nếu không giết thì lấy gì để răn đe về sau, » bèn đưa đến đề Nguyễn - văn - Thành nghị tội.

Thành lại tâu bọn ấy tội đáng chém, nhưng đã làm quan với Tây-Son mà lại ra thú thì tha tội, vì trước có lời chiếu vua ban như vậy, thì không nên thất tín bèn đem bọn ấy đánh đòn trước Văn-Miếu rồi cho về.

Lúc bấy giờ ba người chịu đòn, mà chỉ một Ngô Nhâm chết ; ấy do Thường xúi, (vì lúc trước oai hiếp và nói những lời xúc ý Thường.)

Năm Mậu-Thìn thứ bảy, Thường làm chức Tổng-lý Đê-chánh (việc đắp đê) ở Bắc-Thành.

Mùa thu năm Kỷ-Tỵ, lại triệu về Kinh làm chức Thượng-thor, rồi lại về Bắc-Thành coi việc Bình.

Mùa đông năm Canh-Ngọ thứ chín, lại gọi về lãnh Kinh-chức.

Thường trước kia cùng với Lê-Chất có hiềm khích, khi Chất được phong chức Quận-Công, Thường nói với người ta rằng : « Nếu Chất được phong Quận-Công thì bọn ta làm đến mười Quận-Công. » Có người mách câu ấy lại, Chất nghe cảm hờn, nhưng vẫn nén dạ.

Mãi đến khi Chất ra trấn Bắc-Thành, nghe Thường trong khi khai sắc-thần đã giầu tội Hoàng-ngũ-Phước vào xâm lược miền Nam, mà đem tên vào hạng tự-diễn ; lại lấy tên những người thân mà khai gian cho vào hạng Phước-Thần, đồng lòng với Lễ-bộ Tham-tri là Nguyễn-gia-Cát mạo cấp sắc phong.

Khi Chất đã phát giác sự ấy, thì Đặng-trần-Thường dâng sớ xin chịu tội. Vua Gia-Long phán rằng « bọn này khinh người đối thần, sự ấy làm được thì sự gì lại không làm được ; » bèn phê Bộ-Hình nghị tội. Thì Đặng-trần-Thường và Nguyễn-gia-Cát đều bị tội trảm-giam-hậu (tội chém, nhưng còn giam để chờ xét) Rồi lại được tha mà phải ở Kinh.

Chất lại tâu : Khi Thường ở Bắc-Thành hay làm nhiều điều bất-pháp, ức chiếm đầm - ao, đặt thuế lệ đinh-diễn ; lại xin vua trị tội. Khi ấy Thường phải bị tử tội.

. . .

Khi Đặng tiên-sinh ở ngục, thì uống rượu ly-bì và nói lảm lòi thàm chạ, dùng quốc-âm làm bài Vương-tôn-phú, tự ví mình với Hàn-Tín ; và bài Tần cung-nữ oán Bái

Bái công văn, lời lẽ có ý oán-vọng, nên trong khi đình-thẩm tội Đặng tiên-sinh thì nghị tội đáng giết.

Năm Bính-tý Niên-hiệu Gia-Long thứ 13, Đặng-trần-Thường tiên-sinh bị tội giảo (Thắt cổ) và tịch hết gia-sản.

Tội Đặng-trần-Thường về sau năm Thiệu-trị, đã được quan Đông-các Trương-đăng-Quốc tâu xin chiếu-tuyết một lần với các công-thần trước cùng tòng long (theo vua) bị tội oan như Lê-văn-Duyệt, Lê-Chất vân vân...

Văn-bình TÒN-THẮT-LƯƠNG



LOI LUOC TU'

NGUYỄN DO SỰ THỰC MÃ ĐẶNG-TRẦN-THƯỜNG
TIỀN-SINH ĐÃ DÙNG ĐỂ THẮT-TỪ LÀM BÀI

TẦN CUNG - NỮ OÁN BÁI - CÔNG VĂN

Bài « Tần Cung-Nữ Oán Bái-Công văn » này là Đặng-trần-Thuờng Tiên-sinh dùng một đoạn Sử-ký Hán-Cao-Tổ (Bái-Công) mà viết ra, mượn Cung Nữ nhà Tần để tả nỗi tình uất hận của mình.

Trước khi xem văn ấy nên biết rằng nguyên vua Thủy-Hoàng nhà Tần (221 Tiên) đã đánh diệt sáu nước ở Trung-quốc bây giờ là Hán 韓, Triệu 趙

Sở 楚, Ngụy 魏, Yên 燕, Tề 齊, thì tự xưng là Thủy - Hoàng - Đế 始皇帝 và tự xưng mình là Trẫm 朕. Lại định sự kế thống về sau từ nhị thế 二世; Tam thế 三世 cho đến bách thiên vạn thế 百千萬世; chia thiên hạ ra làm 36 quận thu hết binh khí trong thiên hạ để đúc thành chuông, vạc và tượng và theo lời Thừa Tướng là Lý-Tư, đốt sách, chôn học trò, đắp một cái thành dài để ngăn rợ Hồ gọi là Vạn Lý trường thành; sai 300 đồng-nam, đồng-nữ đi cầu thuốc trường sanh ở Đông-Hải.

Thủy-Hoàng lại đi tuần du miền đông, chưa kịp cầu được thuốc Trường-sanh thì đã bị bệnh băng tại Sa-kỳ.

Triệu-Cao là hoạn quan (quan giám) mưu với Thừa-Tướng Lý-Tư trái mạng Thủy-Hoàng, không phát tang, giết Hoàng trưởng tử là Phò-Tò 扶蘇, lập con thứ là Hồ-Hội 胡亥, hiệu là Tần-Nhị-Thế 秦二世 được ba năm. Triệu-Cao 趙高 lại mưu giết Hồ-Hội và Thừa-Tướng Lý-Tư và lập con Phò-Tò là Tử-Anh bỏ hiệu để mà xưng Vương, và khi ấy mới phát tang, táng Thủy-Hoàng tại núi Ly-Son 驪山 và làm nhiều sự xa xỉ tàn hại, nên các nước Chư-Hầu không chịu, nổi dậy đánh Tần.

Tử-Anh lên ngôi 46 ngày thì bị mất nước, đầu hàng Hán-Vương Hán-Cao-Tổ (tức Bái-Công).

Sự nguyên-do Tần mất nước là trong khoản hai năm cuối đời Tần-Thủy-Hoàng (năm thứ 36) và 3 năm Tần-nhị-Thế, thì Bái-Công và Hạng-Vũ (沛公項羽) chung sức đánh Tần, cùng ước với nhau rằng: Nếu ai vào đất Hàm-Dương

咸陽 (tức dò nhà Tần) thì được xưng Vương trước. Song Bái-Công vào Hàm-Dương trước, Tần-Vương Tử-Anh đầu hàng xong thì Bái-Công niêm kho tàng, khóa cung thất của Tần mà kéo quân về Bá-Thượng và sai quân đóng giữ cửa Hàm-Cốc-Quan.

Hạng-Vũ khi đánh dẹp đã yên cỗi Hà-Bắc 河北, chôn sống quân Tần hơn 20 vạn, rồi kéo quân đến Hàm-Quan (tức là Hàm-Cốc-Quan) bị quân Bái-Công đóng giữ, cửa quan đóng vào không được; lại nghe lời đồn huyền rằng Bái-Công đã vào trước Hàm-dương thu hết bữu ngọc và phụ-nữ của Tần và tự xưng Vương.

Hạng-Vũ tức giận, bèn đánh phá cửa Hàm-quan, kéo binh vào đóng tại Hy-đồng-Môn hơn 40 vạn, mà Bái-Công chỉ có 10 vạn đóng ở Bá-Thượng.

Trong khi Hạng-Vũ có ý bất-bình với Bái-Công thì định đánh Bái-Công, Hạng-Bá là chú Hạng-Vũ biết ý ấy, và

nguyên có bạn thân của Bá là Trương-Lương là mưu thần của Bái-Công, sợ Lương cũng chết lây, nửa đêm đến tin cho Lương biết và rủ Lương cùng đi lánh nạn. Lương không chịu đi bảo rằng đi là bất nghĩa. Và Lương tin sự ấy với Bái-Công hay lại bàn với Bái-Công nên cạy Hạng-Bá nói giùm với Hạng-Vũ rằng Bái-Công không có ý phản Hạng-Vũ vì tuy Công vào Hàm-Quan trước mà không phạm đến mây may của Tần v.v... Hạng-Bá nghe vàng lời, và khiến Bái-Công nên đến tạ lỗi với Hạng-Vũ.

Khi Bái-Công đến tạ lỗi thì Hạng-Vũ nghe lời và cũng tin rằng Bái-Công không có ý thất ước và phản bội, nên mời Bái-Công ở lại dự tiệc tại Hồng-Môn (Hồng Môn hội ẩm).

Trong khi ăn tiệc, Phạm-Tăng là quân sư Hạng-Vũ biết quả tình Bái-Công không thật, chẳng qua là thấy Hạng-Vũ có sức mạnh hơn mình nên giả tội tạ lỗi, nên định giết Bái Công giữa tiệc bằng một ám hiệu là lấy tay đỡ hòn ngọc « quyết » 玦 lên cao đề ra lệnh hại Bái-Công song Phạm Tăng đỡ ngọc quyết đã mấy lần mà Hạng-Vũ không đồng ý.

Phạm Tăng biết Vũ không muốn giết Bái-Công nhưng tự nghĩ tất phải giết mới thành sự : nên đã gọi Hạng-Trang vào giả múa kiếm chúc thọ rồi nhân tiện giết luôn Bái-Công giữa tiệc.

Vậy khi Hạng-Trang vào xin chúc thọ và múa gươm thì Hạng-Bá biết ý nên cũng giẫy múa gươm đề che đỡ cho Bái-Công.

Trương-Lương thấy có cơ nguy, liền ra gọi Phan Khôi vào đề cứu cấp Bái-Công. Phan-Khôi liền mang gươm và mộc vào, trợn mắt nhìn Hạng-Vũ. Hạng-Vũ hỏi, rồi khen tráng-sĩ, cho rượu và đùi thịt lợn sống và mời ngồi nói chuyện...

Bái-Công biết ý giả say rồi lên ra về, để hai vật tặng hảo lại khiến Trương-Lương đem lặng cho Hạng-Vũ và Phạm Tăng, (hai vật là hai hòn ngọc Bích và hai đấu rượu bằng ngọc) Lương đem hai vật tặng hảo dàng thì Hạng-Vũ nhận ngọc Bích, Phạm-Tăng lấy cái đấu ngọc xuống, lấy gươm chém bể tan rồi nói: Cướp thiên hạ là Bái-Công đó...»

Quả thật như lời Phạm-Tăng đã nói.

Từ đó về sau Bái-Công chiêu tập chư hầu hơn năm mươi vạn quân sĩ đến miền đông để đánh Hạng-Vũ (Sở) hai bên đánh nhau giằng co đã năm năm rồi rốt cùng Hạng-Vũ phải thua và tự tử tại bến sông Ô-Giang mà Hán Cao Tổ (Bái-Công) nuốt thống thiên hạ.

Cung A-Phòng 阿房 và Cung-Nữ

A-Phòng là tên núi. Nhân đó mà đặt tên Cung. (tại xứ Hàm-Dương 咸陽. Kiến trúc năm thứ 33 đời Tần-Thủy-Hoàng. Khi kiến trúc xong rồi thì Thủy-Hoàng băng.

Bài « A-Phòng Cung-phú » của Đỗ-Mục 杜牧 tiên sanh làm, tả cảnh cung ấy đại lược rằng : Bề dài hơn trăm dặm, bề rộng năm mươi thước. Cao lớn đồ sộ che lói bóng mặt trời, lầu đài cung điện liên tiếp nhau năm bước một cái lầu, mười bước một cái các ; cung ấy có thể dung được mười nghìn người ở. Quanh co theo thể núi bờ sông mà xây dựng cung điện lăm kiêu mẫu lạ lùng ; lại có cầu dài bắc trên hai con sông « PHÀN » và « VY » và những con đường gác trên không gọi là Phúc-đạo 複道 xem rất tráng lệ ; cầu như con rồng nằm trên mặt nước, đường như cái móng mọc ngang lưng trời. Tiếng xe ngựa đi rầm rầm như sấm dậy. Hương xông xạ đôt như mây mù, gương soi của cung nữ lấp lánh như sao ; Tiếng đàn địch ca vang xôn xao như đồng chọi. thật đã

đến một cung điện tuyệt đẹp nhất từ xưa nay chưa có bao giờ.

Cung nữ đông nhiều đến 3, 4 nghìn người mà phần lớn, song có người ở trong cung 36 năm mà chưa hề thấy mặt vua một lần nào. Còn tiền phí tài sản kiến trúc không biết mấy trăm nghìn vạn.

Thủy-Hoàng đã xa xỉ như thế, lại còn hà khắc làm lắm điều cường bạo quyền thế quá đáng. Cho nên người sáu nước phần uất phải đánh Tần mà diệt vong.

Về sau cung A-Phòng bị Hạng-Vũ đốt cháy, ngọn lửa cháy đến ba tháng chưa tắt.

SỰ THẤT TỪ CỦA ĐẶNG-TRẦN-THƯỜNG TIÊN-SINH ĐỂ VIẾT BÀI « TẦN CUNG-NỮ OÁN BÁI-CÔNG VẤN »

Đã gọi là thất - từ 托辭 mượn lời mà đặt chuyện, thì phải tìm một duyên cớ gì có thực để dựa vào đó mà tả nỗi bất bình. Sự ấy các tao nhân mặc khách đã thường dùng như đề gọi là « Cung Oán » (sự oán hận của Cung-nữ. « Khuê Oán » (sự oán hận của người đàn bà vắng chồng). « Cờ Ý » (ý xưa, cũng về mặt oán vọng nỗi riêng). « Vô đề » (không có đề đề muốn tỏ nỗi riêng của mình đã hoai bão mà không nói rõ được vắn vắn...

Bởi những ý tứ ấy mà Đặng-Trần-Thường tiên-sinh muốn mượn lời cung-nữ Tần nhân khi Bái-Công vào Cung Tần thấy phụ-nữ và châu báu đã muốn dùng nhưng bị hai vị Mưu-thần là Trương-Lương Phần-Khối can ngăn nên Bái-Công nghe lời mà kéo quân về đóng Bá-Thượng,

mượn có ấy mà bảo rằng Cung-nữ Tần oán Bái-Công sao lại nghe lời dèm pha mà đánh bỏ Cung-nữ, v. v...

Ấy là một lối mượn lời mà bịa chuyện, chớ Cung-nữ Tần đâu có oán Bái-Công bao giờ.

Như vậy thì sau khi đã đọc tiểu-sử Đặng-Trần-Thường tiên-sinh thì biết tiên-sinh có công lớn với Nguyễn Triều mà có lỗi nhỏ đối với sự «khinh người dối thần» mà bị tử tội. Cho nên về sau khi đã chết cũng được ân vua chiêu tuyết. Vậy thì lời thất-từ chính là ở nơi sự phẫn uất và oan-khiên vậy.

PHẠM-LỆ

Bài « Tần Cung - Nữ oán Bái-Công văn » sau này đã chép ra hai lần :

Lần đầu chép toàn bài và điền thêm chữ Hán xen lẫn với câu văn để khi đọc cho được một hơi thông suốt và rõ những chữ Hán đã dùng.

Lần thứ hai chép ra từng đoạn những câu theo điệu biên-ngẫu đi đôi với nhau, và thêm lời diễn-giải lẫn xen vào, làm cho người đọc đến sẽ hiểu thấu một cách tỏ tường cả nghĩa và ý của tác-giả đã dùng làm câu văn. Theo sau những câu ấy lại thêm lời chú-giải diễn - tích đã dùng trong những câu văn ấy.

Những diễn tích đã chú-giải rất đầy đủ cả âm, tự, nghĩa khiến người đọc không còn thiếu phần giảng câu thêm. Vì tôi thường thấy các học sanh đã dùng những tập văn nôm có chú giải đến cày tôi giải nghĩa lại cho được hiểu thêm, bởi thiếu điều giảng câu họ cần biết,



TẦN CUNG-NỮ' OÁN BÁI-CÔNG VĂN

*Bài văn Cung-Nữ nhà Tần oán ông Bái-Công
(điện biên - ngẫu)*

**Có 43 câu đối, thành 86 câu chiếu,
hai vế đối nhau**

Tác-giả : ĐẶNG-TRẦN-THƯỜNG 鄧陳常先生
Chú-giải-giả : TÔN-THẤT-LUÔNG (Văn-Bình cư-sĩ)

- Câu 1 : Sương tỏa cung A 阿
Mây lồng đồn Bá 霸
- 2 : Xuân-tín 春信 bồng nhẽ cùng điệp sứ 蝶使
Phương - tâm 芳心 dành then với long
nhân ; 龍顏
- 3 : Nếu tuổi xanh chưa nhuộm bụi hồng, chiếc ngư-
phủ 漁父 đã đưa vào động bích.
Bởi má phấn thường đeo phận bạc, tơ nguyệt-ông
nên dất lại lâu son.
- 4 : Vẻ vang chi một tiếng cung-nhân 宮人
Ngao ngán cả mười nguyên thất-nữ 室女
- 5 : Cầu Hồng 虹 đậm tiếng hải 澨
tơ sấm, xô bồ dưới nguyệt gót kim liên 金蓮
Các phụng 鳳 chen bóng bội 佩 đường mây,
lấp lánh trong gương da bạch ngọc. 白玉

- Câu 6 : Đài loan 鶯 nọ thoi cười với bóng,
 Nệm túy 翠 kia lại ngủ cùng hoa,
 — 7 : Nét mày xanh từ cái lá cũng ghen, câu khiên
 húng 還與 đánh chìm giòng nước chảy.
 Lăn môi thắm đến con chim cũng ghét, giắc thừa
 ân 承恩 dật nổi bóng trăng tà.
 — 8 : Gấm nhân-duyên thường rơi nước mắt thăm;
 Nghe thể sự thêm đồ mờ hôi trộm.
 — 9 : Cung Vị-thủy 渭水 lúc nỉ non tiếng rế,
 trướng thu phong 秋風 lạc bậc quán-huyền xưa
 Cửa Hàm - quan 咸深 khi chói lói ngọn đào,
 rèm tà nguyệt 斜月 ố màu la-ỷ 羅綺 cũ.
 — 10 : Quá ngán nổi : cửa Bạch-Câu 白駒 (1) một nhোáng
 Ngậm ngùi thay : tranh Vân-Câu 雲狗 trăm
 hình : (thương cầu)
 — 11 : Con hươu Bách nhị 百二 lạc loài đâu ? hoa
 cỏ ủ ê vườn Thượng - Uyển 上苑
 Cái én Tam - thiên 三千 ngơ ngần dầy ! mây
 mưa bát-ngát đỉnh Vu-phong 巫峰
 — 12 : Tuyết đã phơi mái tóc kim sanh 今生
 Rum đầu nhuộm mối tơ lai-thế 來世
 — 13 : Vĩ thân đã lây hương cấm-dịch 禁掖, cỏ Ly-
 Sơn 驪山 đành lấp tóc da rồi.
 Tưởng duyên còn quên lá ngự-câu 御溝 trắng.
 Vị-thủy 渭水 hãy cầm hình bóng lại.
 — 14 : Níp ngọc nữ 玉女 sương còn êm đóng,
 Tiếng chân nhân 真人 gió đã xa đưa ;

(1) Chữ Vân câu cũng như Thương-Câu, vì Bạch 白 trắng
 đổi Thourg 蒼 xanh.

Câu 15 : Dòng Đào Đường 陶唐 róc-rách xuống sông.

Lưu 留, mệ-răn khóc bên đường nghe cũng thảm !

Mây Mang-Đản 芒錫 chân vắn về đất Bái,

Chị Trĩ theo trong núi nghĩ mà thương :

— 16 : Thấy bóng cò ai chẳng rượu dề mừng :

Nghe tiếng lạc đầu không đàn sáo rước.

— 17 : Bên chỉ-đạo xe vôi ngựa phấn, dòm thấy

lòng bất nhẫn 不忍 những thì thăm,

Trước kim-lâu 金樓 xiêm bụi áo bùn, vâng biết

ý dục lưu 欲留 mà khép nép.

— 18 : Xem khí sắc 氣色 đã nên năm về.

Tưởng cơ duyên 機緣 hẳn trọn ba sinh.

— 19 : Bất kỳ 不期 may gặp hội rồng mây, âu lửa bén
hương lây cho đáng số.

Giải-cầu 解愁 rủi nhảm hơi khỉ tằm, nở hoa trời
nước chảy cũng oan tình.

— 20 : Hẳn quan - gia 官家 mà thực dạ ái-nhân

Thì Thánh-thế 聖世 nở để ai oán nữ

— 21 : Âu-ca 謳歌 thuở về cùng Thuấn, Võ 舜禹 Cao

dao 皋陶 Hậu-tắc 后稷 nào ngăn ?

Huyền-hoàng 玄黃 khi lại với Thang, Văn 湯文

Y-Doãn 伊尹 Châu-Công 周公 há cấm ?

Câu 22 : Sao trong trướng chưa chút chì mát mặt ?
Mà ngoài sân đã lắm tiếng oí tai ?

— 23 : Ngao ngán thay nắng chẳng thương hoa ?
Ghê gớm bấy mây nào xót nguyệt !

— 24 : Ngọn xích xý 赤熾 ùn ùn về Bá-Thượng 霸上 hoa
trôi, nước chảy, lạt lẽo thay tình !

Má Lam-diên 藍田 dưới dưới đề Quan - trung

關中 phan rữ hương phai, bẽ-bàng bấy phận !

25 : Nín thời những đeo sầu ngậm tủi,

Nói ra dường ép giấu nài yêu ;

26 : Trật bánh xe là bởi tội Lý - Tư 李斯 nào ai đem
nhút tiểu khuynh thành 一笑傾城 : mà dượng
Võ 武 gọi vong Tần 亡秦 cho đáng.

Đỡ roi ngựa ấy nức danh Châu-Hậu 周后 lấy ai
đủ thập thần trị quốc 十臣治國 mà thầy
Nho 儒 rằng trợ Kiệt 助桀 nên tin.

27 : Trọn con người không gấm cuộc tang thương 桑滄

Uốn cái lưới những dày duyên phận đại 份登

— 28 : Mặt bán thịt mới mua duyên năm nọ, chẳng qua bệnh
đi nó đánh ghen thay ;

Gan cấp dùi làm mất vía ngày xưa cũng vì bởi chúa
mình lây giận mãi.

— 29 : Sức bao nả cũng lao lư dưới bệ ?
Trung với ai mà thỏ thẻ bên màn ?



Câu 30 : Có chăng loài bảo-ngọc 寶玉 mê tình, ngăn giọt
giải phú-ông 富翁 cũng phải.

Nào những kẻ hương-hoa 香花 chúc phận, nỡ
dứt lòng du-tử 遊子 cho cam ?

— 31 : Thuở đông cư 東居 lòng sở-háo sao chịu 所好
Nay tây nhập 西入 sức hữu-vi lại cảm 有爲

— 32 : Một là bởi dứt mình oai chín quận, phải lánh ra
dành đề tướng-quân 將軍 vào.

Hai là toan theo dấu thú năm hồ, đề dành lại
lần đem Tây-Tử bước 西子

— 33 : Đã đắng nghét một liều thuốc độc,
Lại chua le ba tác lưỡi mềm.

— 34 : Bởi lẽ loi vì phận khách bênh bông 萍蓬, lần
kim-giáp 金甲 đề hơi hương chẳng thấu.

Ví may mắn như duyên ai ky trửu 裴莢, dạng bích-
y 璧衣 chi chút bụi nào rơi.

— 35 : Lượng bao-dung 包容 dù quyết hẹp hòi.
Tứ minh-đạt 明達 có đâu lầm lỗi.

— 36 : Nào những thuở núp rùng cây nghe lạc ngựa, thấp
thoáng bóng dù dạng kiêu, những than thầm : chí
cả trượng-phu. 丈夫

Đến bây giờ ngòi lầu ngọc ngắm tranh người, xôn
xao trên nệm dưới màn, lại làm sinh ngội
sang Hoàng-đế. 皇帝

— 37 : Tuy, cách mặt khách còn lạ khách ;
Nhưng soi gương mình vốn yêu mình.

Câu 38 : Gương làm màu hiệu sắc 好色 ngày xưa, thì, này
chí bất-tiểu 不小 ai dòm, mắt nào sắc cũng
không cơ cất ngọc.

Chi đến nổi kết duyên đêm quạnh, song, mà ý
tại trung 在中 có bức, tay này mềm còn hơn
kẻ che grom.

— 39 : Gương trong đước rặng mặc lòng trên ;
Cỏ mọn hoa hèn đánh phận dưới.

— 40 ; Nơi hang giá ví hơi dương đã thấu, thì trong
nước ai không thần thiếp 臣妾, lọ phòng-tiêu
cung-quế mới vui lòng.

Chốn non kinh dù vẻ ngọc mà lăm, thì dưới trời
đâu chẳng giang-sơn, về cửa cỏ lều tranh
cho mát mặt.

— 41 : Âu là cũng tiếc chung mới nói,
Há dám rằng giận lẻ mà kêu.

— 42 : Đừng khiếp nơi năm bước một lâu, song nghĩ
thành kia nghiêng thì đỡ, nước kia lở thì
nâng, khó chi vận ngũ-hưng 王興 tay thánh-
chúa 聖主

Xin gác nổi một cười nghìn lượng, dám khoe
canh này vụng nhưng quen, rượu này quê
nhưng thuộc, để có đâu tái-đắc 再得 mặt
giai - nhân 佳人

— 43 : Xin chớ cười lời khách kiêu-nghiêu 嬌嬈
Cùng gởi lay đức ông hoát-đạt 豁達



Lời giải-tự 解序 và tiên-sớ 箋疏

Bài văn này là tác-giả thái ý mượn lời các cung nữ nhà Tần oán ông Bái-Công (Hán-cai-Tổ Lưu-Ban) để oán trách vua Gia-Long và mắng nhiếc các ông tôi cận thần của ngài đã lấy lời siểm nịnh làm cho mình phải chịu tội oan ức.

Lời văn rất công-chỉnh và điêu-khắc ; khôn khéo vô-cùng, thật đã nên một tác-phẩm cao, một tài-tình lạ.

Nay muốn đem tác-phẩm ấy làm cho phổ-thông, thì đã có nhiều người giải nghĩa, song vẫn thấy còn sai và xuyên tạc lắm lời vô lý, không đúng với sự thật đã chép ở Sử-Ký (Hán-cai-Tổ) và Tần-thủy-Hoàng.

Vậy theo đây tôi sẽ thêm lời giải-tự và tiên-sớ suốt đầu đuôi 43 câu biến-ngẫu thành một đoạn văn xuôi kể tình trạng theo từng đoạn lạc, khiến cho độc-giả thông hiểu quán-xuyến nghĩa-lý và ý-tức câu văn còn những điển-tích dùng trong câu văn lại chú-thích riêng ở dưới.

Mong rằng độc-giả chư-tôn nên thông thả vừa đọc vừa xét suy tường tất sẽ thấy áng quốc-văn của ta chẳng kém gì những bài văn của những nhà đại-danh người Trung-Hoa ở các bài cổ-văn vậy.

T. T. L.

Tần Cung-Nữ' oán Bái-Công văn

(Chia ra từng câu và từng đoạn lạc đề phụ
lời giải tự và tiên chú)

1') *Sương tỏa cung A (1)*

Mây lồng đồn Bá .(2)

Hai câu này chỉ cái triệu suy-vong nhà Tần và hưng-thịnh nhà Hán : Cung A là cung A-Phòng của nhà Tần. Sương tỏa là sương mù đã đóng lấp.

Cung A-Phòng sương đã đóng lấp là triệu chứng suy vong.

Đồn Bá là nơi Bái-Công hưng khởi. Mây lồng là mây ngũ sắc đã lồng lên bao trên không ở đồn Bá-Thượng, là triệu Bái-Công đã hưng khởi.

CHÚ - THÍCH :

(1) A phòng Cung 阿房宮 là một tòa cung thất rất đồ sộ tại Đô Hàm-Dương 咸陽 A là eo núi. Phòng là nơi ở, Cung ấy làm xong thì Tần-thủy-Hoàng băng. Nên chưa kịp đặt tên. Cung ấy rộng có thể dung được muôn người. Cách cấu tạo cực kỳ tráng lệ. Sau bị Hạng-Vũ đốt cháy, ba tháng lửa chưa tàn. Có bài phú A-phòng-Cung của Đỗ-Mục làm.

(2) Bá-Thượng là tên đất 霸上 tức là Bạch-lộc-Nguyên 白鹿原 ở tỉnh Thiểm-Tây huyện Tràn-An 長安 nước Trung-Hoa.

2) Xuân tín bỗng nghe cùng điệp sứ (3),

Phương tâm dành thẹn với long nhan (4).

Hai câu này nói khi có tin báo cho biết rằng Bái-Công đã vào đánh Tần đến cửa ải Hàm-Quan thì cung-nữ hồ thẹn mình là một cung-nữ của nhà Tần đã suy vong đối với Bái-công là vua nhà Hán.

Đầy dùng lời ví dụ : nói tin xuân khi con bướm đã đem đến cho hoa thì tin xuân tuy là tin vui vẻ mà hoa kia vẫn đem tấm lòng thơm tho mà hồ thẹn. (Điệp sứ ví người đem tin.) Phương tâm là lòng thơm của hoa ví cung-nữ. Long-Nhan, mặt rồng ví Bái-Công. Nhưng ngụ ý Phương-tâm là tác-giả Đặng-trần-Thường vốn tòi nhà Lê. Long nhan là vua Gia-Long, ấy là tòi nhà Lê làm quan nhà Nguyễn có ý thẹn vậy.

CHÚ-THÍCH :

(3) Điệp sứ 蝶使 sứ bướm, nghĩa bóng : con bướm cũng như vị sứ thần của chúa xuân sai thông tin cho các hoa. Cũng như phong-môi 蜂媒 là con ong làm mai dong để đem tin cho hoa vậy.

(4) Long nhan 龍顏 mặt rồng, là chữ xưng diện mạo của Đế-vương, Bái-Công có chữ xưng : Long-Chuẩn, Long-nhan : mặt rồng, mũi rồng, lại có tướng mạo ngũ hưng 五珥 5 điều hưng thịnh. — 1') Đế Nghiêu chi duệ 帝堯之裔 giòng giống vua Nghiêu 2') thể mạo đa kỳ dị 體貌多奇異 thể mạo nhiều sự lạ lùng, 2') Thần võ hữu 應驗 神武有應驗 có điều thần võ ứng nghiệm. 4') Khoan minh nhi nhân thứ 寬明而人忍 nhơn thứ mà rộng-rãi. 5') Tri nhơn thiện dụng 知人善用 biết người lại khéo dùng người.

3.) Nếu tuổi xanh chẳng nhuộm bụi hồng,
chiếc ngư-phủ (5) đã đưa vào Động-Bích (6).

Bởi má phần thường đeo phận bạc, tơ nguyệt ông (7) nên
dắt lại lầu son (8).

4) Vẻ vang chỉ một tiếng cung nhân, (9)
Ngao ngán cả mười nguyên thất nữ. (10)

Tiếp theo lời trên, cung-nữ lại than thở rằng : Nếu như khi
tuổi còn nhỏ mà không phải là người phạm trần, thì đã theo
thuyền ông chài mà vào ở động Đào-Nguyên, đã là thành tiên rồi

Nhưng vì không phải tiên, chánh là người phạm trần, mà
lại là làm khách má đào thường đeo mạng bạc, cho nên đã bị
ông nguyệt lão đem sợi tơ buộc chắc phải vào chốn lầu son.

(Hai câu 3, 4, tác giả tự ví thân đã làm nho sĩ phải đem
thân đến chốn công danh).

CHÚ-THÍCH :

(5) (6) Ngư - phủ 杜甫 là ông chài. Động Bích là động
Đào-Nguyên 桃源 (nguồn hoa đào) Đồi Tẩn, tại huyện Vô-Lăng
có ông chài chèo thuyền đánh cá theo dọc bờ khe, thấy có cánh hoa
đào trên mặt nước ; ngờ rằng người ở miền ấy, chèo thuyền đi mãi
đến một nơi có dân cư, ăn mặc theo y phục đời Tẩn.

Ngư-Phủ hỏi thăm mới biết họ bỏ xứ đi lánh nạn hà khắc vua Tần-
thủy-Hoàng đã cách mấy đời rồi. Ngư-phủ về thuật lại với quan Huyện,
sau đó 3, 4, lần đi tìm lại mà không được, nên họ ngờ nơi ấy là cảnh
tiên ĐộngBích. Đào-nguyên, Nguồn đào-đều một danh tự như nhau.

(7) Nguyệt - ông 月翁 Chàng Vi - Cỗ 韋固 đời Đường một
đêm đi dạo mát gặp ông lão ngồi dưới bóng trăng dờ sách xem.
Cỗ hỏi xem sách gì ? — đáp rằng : Sách biên nhơn-duyên phu-phụ của
thế gian.— Ông lại cho xem một cái dây trong đựng tơ đỏ mà nói rằng :
những người đã được sợi tơ đỏ này buộc, và sách này chép tên họ thì
dù là người thù, dù là người khác chủng tộc cũng kết-duyên vợ chồng.

Ông già ấy không biết tên họ gì. Chỉ biết gặp ông dưới bóng
trăng nên gọi là Nguyệt-lão 月老 ông già dưới trăng. Hoặc gọi là
Trăng Già.

8) Lầu son. Hoặc lầu hồng. Chữ Hán gọi là Châu-lâu, 朱樓
Hồng lầu 紅樓 là nơi Cung cấm phú quý.

5) **Giàu-Hồng** (11) **dậm tiếng hài** (12) **tợ sấm, xô bồ**
dưới nguyệt gót kim liên (13)

Các-Phụng (14) **chen bóng bội** (15) **đường mây, lấp**
lánh trong gương da bạch ngọc (16)

CHÚ THÍCH :

9) Cung nhân là người con gái được Vua chọn làm người hầu hạ.

10) Thất Nữ **室女** là người con gái con nhà khuê các chưa chồng.

Mười nguyên thất nữ là những điều nguyên vọng của người chưa chồng/thường nguyên được chồng loan vợ phụng, cân lúa vừa đôi, nên cửa nên nhà đông nhiều con cháu vãn vãn... Chớ mười quyền này không thuộc về mười nguyên của đạo Phật.

(11) Cầu Hồng — Chữ gọi Hồng-Kiều **虹橋**. Hồng là cái mống — Kiêu là cầu. Bài phú A-Phòng có câu: Trường kiều ngoạ ba, vị vân hà long? Phức đạo hành không vị tề hà hồng?
長橋臥花未雲河龍複道行空未霽何虹

Cầu dài nằm trên sông, dài như con rồng, sao chưa có mây đã thấy rồng? Đường bắc ngang đi trên không, như một cái mống hiện ngang trời, sao chưa tạnh mưa đã có mống hiện? — Ngụ ý ví cầu trên sông và đường trên không đẹp như con rồng nằm trên nước, như mống hiện trên không vậy.

Lý-Bạch có câu thơ: An đắc ngũ sắc **虹架** 天依 **長橋** sao có cái mống năm sắc, bắt ngang trên trời làm cái cầu dài?

(12) Hài **鞋** là đôi giày.

(13) Kim-liên **金蓮** là hoa sen bằng vàng. Ví chiếc giày của mỹ-nhân.

Đông Hôn Hầu **東昏侯** yêu vợ là Phan-Phi **潘妃** có dáng đi dịu dàng, nên đã khâm hoa sen vàng trên nền Cung điện. Mỗi khi Phan-Phi đi trên điện, Hầu ngắm xem và khen rằng: Bộ bộ sanh liên hoa **步步生蓮花**; được bước này hoa sen. Lại có loài cây bò sát đất có hoa vàng nhụy đỏ, mùa hè nở hoa năm cạnh nhọn lá tròn cũng gọi là Kim-liên-hoa...

- 6) *Đài loan (17) nọ thót cười với bóng,*
Nệm tủy (18) kia lại ngủ cùng hoa,

Đoạn này Cung Nữ tả cảnh sang quý náo nhiệt ở A Phòng và nổi lẻ loi ở nơi cung cấm.

Nói rằng riêng một tiếng dậm của gót giày Cung nữ đi trên Cầu Hồng thường vang như sấm và những mảnh ngọc bội của Cung Nữ đeo, bóng che rợp đường như đám mây.

Chị em Cung Nữ tuy đông như thế, nhưng có được Vua Tần yêu thương đâu, chẳng qua đã bị chịu tình cảnh lẻ loi: khi soi gương trang điểm rồi lại chỉ cười với bóng, khi đêm khuya chờ quân vương chẳng tới, lại ngủ bèn cùm hoa mà thôi. (chú dẫn về câu 5 và câu 6)

CHÚ THÍCH :

(14) Các-Phụng, nhà gác chim phụng đậu, là nơi lầu các của vua ở.

(15) Bội 佩 là đeo-lại, nghĩa là những mảnh ngọc của mỹ-nhơn. Vương-Bột có câu thơ ở bài phú tự Đằng-Vương :

Bội ngọc minh loan bài ca vũ 佩玉鳴鑾聒歌舞 Tiếng ngọc bội và tiếng lạc-ngựa nay đã vắng trong những cuộc múa hát.

(16) Bạch-Ngọc 白玉 là ngọc trắng, ví với da trắng của con gái. Kinh thi có câu : hữu-nữ như ngọc 有女如玉 có người con gái như ngọc.

(17) Đài-loan. Đài 臺 là cái giá, 鸛 loan là chim loan, Cái giá để gương soi xưa làm hình chim loan.

(18) Nệm túy. Xưa dùng lông chim Phỷ-Túy thêu nệm có sắc lục-kim, nên gọi là túy-bị 翠被 : nệm gấm lông chim Túy dùng ở phòng ngủ đàn bà quý phái.

7) *Nét mây xanh (19) từ cái lá cũng ghen (20), câu khiến-hứng đánh chìm giòng nước chảy.*

Lần mới thăm (21) đến con chim cũng ghét (22) giấc thừa-ân (23) đặt nổi bóng trăng lặn.

8) *Gấm nhàn duyên thường rơi nước mắt thăm. Nghe thể sự thêm đồ mờ hời trộm.*

Cung nữ lại than phiền nổi bề bàng chẳng những tạo hóa ghen ghét mà thôi, cho đến ngọn lá con chim cũng cừu dạ ghen tương ; nào có được thích tình hứng thú như Hàn Phu-nhơn đời vua Hy-Tôn nhà Đường đề thơ trên chiếc lá, thả theo giòng nước ngự cầu, như người chinh-phụ đã muốn đánh đuổi chim oanh đừng kêu rầy trong lúc chiêm bao đi thăm chồng ở xứ Liêu-Tây.

Ngọn lá dù có đề câu thơ khiến-hứng, thì nó cũng chìm xuống chẳng chịu trôi đi : Con chim oanh nó cứ kêu rầy không cho trộm giấc mộng thừa-ân trong khi trăng lặn. Bởi vậy mà càng gấm đến nhơn duyên bao nhiêu càng rơi nước mắt thăm, nghĩ đến thể-sự thêm đồ mờ hời trộm (Hoạn này tác-giả mượn lời cung-nữ mà chỉ-bọn nịnh-thần gièm pha mình)

CHÚ THÍCH :

(19) Mây xanh, do chữ Túy my 翠眉 hoặc Đại my 黛眉 vì mỹ-nhân thường dùng màu xanh mà vẽ mày.

(20) Đời Vua Hy-Tôn nhà Đường, có người Vu-Hựu lượm được một ngọn lá đỏ tự trong cung cấm trôi ra, trên có đề bài thơ rằng: Lưu thủy hà thái cấp ; thâm cung tận nhứt nhân. Ân căn tạ hồng diệp. Viễn khứ đáo nhân gian 流水何太急.深宮盡日閑.慙慙謝紅葉.湏去到人間. Dịch : Nước chảy đi đâu vội ? Cung thâm rảnh suốt ngày. Ân căn nhờ lá thăm, xa gởi lá thơ này.

Vu Hựu lại đề một bài thơ trên lá ấy đem thả trên dòng nước chảy vào cung, thì Hàn Phu-nhơn lượm được. — Về sau mười năm, cung nhân được lệnh cho thả hồi rất đông và Hàn Phu-nhơn được kết duyên cùng Vu-Hựu,

Một hôm Hựu mở trap nữ-trang của vợ là Hàn Phu-nhơn, thấy ngọn lá đỏ đề hai bài thơ đã kể trên ; mới mừng rỡ mà bảo rằng lá thắm là mai-dong nên lại đề bài thơ kỷ-niệm rằng :

Nhút liên giai cú tùy lưu thủy, thập tải u-tư mãn tố hoài. Kim nhật khước thành loan phụng lữ, phương tri hồng diệp thị lương môi. Dịch : Một câu giòng nước chảy xuôi, mười năm luống những ngậm ngùi đến đây. Bây giờ loan phụng sum vầy, cho hay lá thắm cũng tày-mai-dong.

(21) Mối thắm; Mỹ-nhơn dùng sắc Yên-chi 胭脂 đỏ thắm đề diêm môi.

(22) Bài thơ Xuân-oán 春怨 của Kim-Xương-Tự đời Đường làm tả tình của người Chinh-Phụ rằng : Đã khi hoàng oanh nhí, mặc giao chi thượng đề, Đề thời kinh thiếp mộng, bắc đặc đảo Liêu-tây 打起黃鶯兒莫教枝上啼啼晨驚妾夢不得到遼西 Dịch : Nhờ ai đánh đuổi chim oanh, chớ cho nó đồ trên cành kêu đây. Nó kêu sợ tỉnh giấc này, không cho thiếp đến Liêu-tây thăm chồng,

23. — Giấc thừa-ân 承恩 là giấc chiêm bao được vua yêu (nhưng đang giấc mộng thừa-ân, lại bị con chim oanh kêu đánh thức dậy trong lúc trắng tà toan lặn).

9) Cung-Vỵ-Thủy (24) lúc nữ non giọng rể, trướng thu phong lạc bực quân-huyền xưa,

Cửa Hàm-Quan (25) khi chói lói ngọn đào, (26) rèm tà nguyệt ố màu la-ỹ cũ.

Cung-nữ đang than phiền nỗi thán thế lẻ loi, chưa hết lời u uất thì đã tiếp đến cảnh suy vong của vua Tần-thủy. Hoàng băng, đám quốc tang đưa về để giấu ở cung Vỵ-Thủy. Cho nên cung-nữ lại than rằng « Cung Vỵ-Thủy trở nên buồn bực chỉ còn nghe tiếng rể, lúc đêm thu ở nơi huệ-trướng ; gió thu hiu-hắt, chẳng còn những tiếng đàn sáo (quần huyền) vui vẻ như xưa.

(Sử ký chép khi Tần-Thủy-Hoàng đi tuần thú, băng tại xứ Sa-Kỳ, thì tể-tướng là Lý-Tư đã giết trưởng tử là Phò-Tô, lập thứ tử là Hồ - Hoi, mà đưa đám tang về dẫu tại Vỵ-Thủy.

Vua Thủy-Hoàng vừa băng thì tiếp đến vua Cao-Tồ (Bái-Công) đem binh vào đánh đến cửa Hàm-Quan, đã thấy ngọn cờ đỏ chói lói rực rỡ mà ngoảnh lại nơi rèm châu nệm túy thì mùi là lược áo xiêm đã ố màu tươi vẻ đẹp dưới bóng trăng tà.

(Hoạn này tác giả ngụ ý tả cảnh tượng khi Lê suy và Nguyễn thịnh).

CHÚ-THÍCH :

(24) Cung Vỵ-Thủy 渭水 Sông Vỵ ở xứ Thiểm-Tây tiếp địa phận huyện Hàm-Dương, theo dọc sông Vỵ. Vua Tần-Thủy-Hoàng có dựng hai cung điện : Cung Tràng-Lạc, hướng nam, Cung Hàm-Dương hướng bắc là nơi Thủy-Hoàng ở ; lại bắt hai cầu dài trên sông Vỵ để thông với hai cung ấy.

(25) Hàm-Quan 函關 là cửa ải ở xứ Hàm-Dương. Khi Tần Hiếu-Công ở đó, đóng đô dựng cửa ải để phòng ngoại xâm.

Tại sơn phần Hàm-Dương, ải ấy gọi là Hàm-Quan, rất có thể hiểm trở, khi Bái-Công kéo quân vào đánh Tần, do cửa ải ấy mà vào.

26) Ngọn đào là ngọn cờ đỏ. Vì cờ đỏ là hiệu lệnh của Bái-công. Người đời ấy gọi Bái-Công là Xích-Đế (Vua đỏ). Khi Bái-Công chém con Bạch-xà, có mục giả khóc bên đường mà nói rằng ; con tôi là Bạch-Đế đã bị Xích-Đế chém, nên trong Hán thư 漢書 có biên chữ xích xí 赤戡 là cờ đỏ (cờ đào).

10) Quà ngán nổi cửa bạch-câu (27) một nhaoáng ;
Ngậm ngùi thay tranh thương-cầu (28) trăm hình.

11) Con hươu Bách-nhị (29) lạc loài dẫu, hoa cỏ ủ ở vườn
Thượng-uyên (30).

Cái én Tam - thiên ngơ ngẩn đấy, mây mưa bát ngát
đỉnh Vu-Phong (31).

Cung nữ vừa than thở lại nói thêm rằng : « Quá ngao ngán thay ! chỉ trong một thời kỳ lạnh chóng như « bóng

cầu qua cửa sổ » mà việc đòi đã đòi thay như « tranh thương cầu » đã vẽ nên trăm hình !

Mà trong sự đòi thay ấy là nhà Tàn đã mất ngôi báu (con hươu Bách-nhị lạc loài đầu) để đến nỗi chị em chúng tôi như hoa xinh cổ đẹp ở vườn Thượng-yuên phải ủ ê, chị em chúng tôi như ba nghìn cái én con oanh phải ngơ ngẩn từ đây, xui nên cuộc mây mưa nơi đỉnh Giáp non Thần hóa ra bát ngát.

(Đoạn này tác-giả tự ví khi Lê mất, thân phận mình phải vất vả lẻ loi).

CHÚ-THÍCH :

(27) Bạch-Câu 白駒 là ngựa câu trắng, ví bóng sáng mặt trời chạy lanh.

Sử Tống chép : Tống-thái-Tồ nói : Nhân sanh nhứt thế gian như bạch câu quá khích 人生一世間如白駒過隙 nghĩa là người sanh trong một đời lanh chóng như ngựa câu qua lỗ-trống (hoặc ngựa câu qua cửa sổ).

(28) Thương-Câu 蒼狗 là con muông sắc xanh. Thơ Đỗ-phủ 杜甫 có câu : (Thiên thương phù vân như bạch-y. Tu tư biến huyền vi thương cầu, 天上浮雲如白衣須臾變幻爲蒼狗 đám mây trắng trên trời vừa nổi giống như cái áo trắng đó mà bỗng chốc đã hóa ra hình biến huyền như con muông xanh rồi. Ý than sự đời biến chuyển ra lắm hình tượng.

(29) Con hươu Bách-Nhị, Hán thư chép : lời Khoái-Thông 蒯通 nói : Tàn thất kỳ lộc thiên hạ cộng trục 秦失其鹿天下共逐 nhà Tần mất con hươu thiên hạ đều đuổi theo. Ý nói ngôi vua Tần mất, trong thiên hạ đều giành nhau. Bách nhị 百二 nghĩa là lấy hai người có thể chống cự trăm người. Hán-ký chép : Tàn dắc bách nhị yên 秦得百二焉 là Tần được sức mạnh hai phần đối với trăm phần vậy vì giang sơn hiểm trở.

(30) Thương-Yuên 上苑 là vườn hoa nơi cung cấm của vua chơi.

(31) Vu-Phong 巫峰 Vua Tương-Vương 襄王 nước Sở 楚 đến chơi đầm Vân-Mộng, chiêm bao thấy một Mỹ-nhân đến chào hầu chung chạ nệm mềm, khi từ giả tự xưng là ; Thần-Nữ ở núi Vu gần đầm Vân-Mộng, lại nói : « Tôi thường mỗi buổi mai làm mây, buổi chiều làm mưa ở non Vu. Sau Tương-Vương nghiệm đúng thật, nên làm miếu thờ thần-nữ ở non Vu. Đỉnh Giáp non Thần cũng đồng một nghĩa với non Vu.

12) Tuyết đã phơi mái tóc kim-sanh ; (32)

Rum (33) đầu nhuộm mỗi tơ lai-thế.

13) Vì thập đã lấy hương cấm-dịch (34) cỏ Ly-Sơn (35) dành
lắp tóc đa rồi.

Tượng thân còn quyến lá ngự cầu (36) trăng Vỹ-Thủy (37)
hãy cầm hình bóng lại.

14) Níp ngọc-nữ (38) sương còn êm đóng,

Tiếng chân nhân (39) gió đã xa đưa.

Tiếp lời than cung-nữ rằng : « Nay thời giờ đi lạnh chóng
thì người phải già nua, mà mái tóc đòi người đã trắng phơi
như tuyết, thì sơn (Rum) ở đầu đem nhuộm lại mỗi tơ kiếp
sau bây giờ ?

Nghĩ đến đó thêm buồn mà than rằng : Nếu như thân này
đã từng được vua Tần yêu chuộng thì nay đã chết theo vua
Tần mà chôn ở Ly-sơn cho cây cỏ lấp đi rồi. Nhưng khổ thay
cứ tưởng thân này còn quen với mảnh lá đỏ ở giếng nước
Ngự-cầu, cho nên bóng trăng ở sông Vỹ mới còn cầm giữ
hình bóng lại.

Bởi có ấy mà chị em cung-nữ chúng tôi còn giữ mình
nguyên vẹn như níp ngọc-nữ sương còn êm đóng, thì đã
được nghe tin chân-nhân (Bái công) gió đã xa đưa đến cho
chúng tôi hay (ý nói khi tác giả đã bắt đầu làm tôi vua
Nguyễn).

CHỮ-THÍCH :

(32) Kim sanh 今生 là đời sống ngày nay. Lai thế 來世 là đời
sống kiếp sau. Điền Phật ở Truyền-dăng-lục 傳燈錄 có câu : Dục
tri tiền thế nhơn, kim sanh thọ giả thị. Dục tri lai sanh quả kim sanh
tác gia thị 欲知前世因, 今生受者是 欲知來生果, 今生依者是.

Muốn biết điều nhơn đời trước, thì xem ở sự ta đương
hưởng đời nay. Muốn biết sự quả báo kiếp sau, hãy xem sự làm
của ta đời nay.

33') Rum là một thứ tở con kiến gọi là cánh kiến, hoặc thứ
lá cây dùng nhuộm, làm thuốc nhuộm màu đỏ.

34') Cấm-dịch 禁掖 là nơi cung điện vua ở.

35) Ly-Sơn 麗山 cũng gọi là Lệ-Nhung-Sơn 麗戎山 Vua U-
Vương nhà Chu, Vua Thủy-hoàng nhà Tần đều chôn ở đây,
những bà phi-hậu không con và đồ bảo khí đều chôn theo.

CHÚ-THÍCH:

36) Ngự-câu 御溝 là giếng nước nơi cung-cấm chảy ra ngoài. Quén lá ngự-câu, là vẩy duyên với lá giếng nước Ngự (Xem chú thích số 20) Văn liệu chữ quén : Ca dao « Sông còn quén các làm đôi, huống chi ta chẳng tài bồi lấy nhau ».

37) Vy-Thủy 渭水 có hai lạch là Vy-Xuyên và Phàn-Xuyên 渭川 樊川 chảy vào cung A-Phòng. Phú A-phòng có câu : Nhị xuyên dung dung lưu nhập cung tường 二川溶溶流入宮牆

38) Níp ngọc-nữ là thân thể người con gái đẹp (xem chú thích số 16).

39) Chân nhân 真人 người tu hành đắc đạo ; đây dùng nghĩa bóng chỉ ông Bái-Công là một vị chân chúa.

15) Dòng Đào-Đường (40) róc-rách xuống sông Lưu (41)
mẹ răn (42) khóc bên đường nghe cũng thảm.

Mây Man-Đảng (43) chần vẩn về đất Bái (44) chỉ
Trĩ (45) theo trong núi nghĩ mà thương.

16) Thấy bóng cò ai chẳng rượu dè mừng,
Nghe tiếng lạc ai không đòn sáo rước. (46)

Cung-nữ nhắc lại dòng dõi và sự tích lúc sơ-khởi của Bái-Công rằng :

Bái-Công nguyên dòng dõi vua Nghiêu mà truyền đến họ Lưu, mà khi mới khởi nghĩa đánh Tàn đã có chuyện lạ : Bái-công nhân đi uống rượu về gặp con rắn trắng đón đường, liền chém rắn chết. Cách đêm sau có bà già khóc bên đường mà nói rằng con tôi là Bạch-Đế bị Ních-Đế (Bái-Công) chém.

Lại những khi Bái-công đánh vua Tàn ở núi Man-Đảng ; vợ là Trĩ-Hậu đi tìm thấy nơi Bái-công ở có mây ngũ sắc bao quanh trên núi, ở chốn nào có mây doanh chốn ấy. Trĩ - Hậu cứ trông mây mà tìm đầu được đó.

Mỗi khi Bái-Công đã đánh được Tàn thì sai người đánh nhạc và đi tin cho phụ lão của nước Tàn biết. Họ nghe có tiếng lạc đi đến đầu họ mừng rỡ đem đòn địch đón rước, thịt rượu đãi đàng. v.v.

CHÚ-THÍCH :

40) Đào 陶 và Đường 唐 là hai tên đất đã phong cho vua Nghiêu (2357. Trước) là dòng nguyên-thủy của Bái-công.

41) Sông Lưu 劉 là dòng họ Lưu. Bái-công họ Lưu tên Bang 邦

42) Khi Bái-công còn làm chức Đình-trưởng, gần khởi nghĩa đánh Tần có chém con Bạch-xà như chuyện đã kể trên.

43) Man - đăng 芒碭 là tên núi; Khi Tần-thủy-Hoàng xem ở miền đông nam có khí Đế-Vương, bèn đến đó để trấn áp, Bái-công phải lánh qua ở núi Man-đăng (xem chuyện đã kể trên).

44) Bái 沛 Vua Hán-cao-tổ 漢高祖 khởi binh ở đất Bái nên quân quan tôn hiệu gọi là Bái-công. 沛公

45) Chị Trí. Lữ-Hậu 呂后 là vợ Bái-công tên là Trí, 雉 cho nên đời ấy kiêng tên húy gọi Trí là Dạ-kê, 野雞 (gà đồng) Cung-nữ gọi Trí-Hậu bằng chị là theo thói vợ bé gọi vợ cả.

46) Sử chép khi Hán-cao-Tổ đánh được Tần rồi, liền sai người đến các tỉnh, phủ, huyện, ấp báo cáo ra tờ dụ kể các điều ước về sự trị an, thì đến nhà nào cũng có đòn dịch và rượu thịt đón rước linh-đình.

17) Bên chỉ-đạo (47) xe voi ngựa phẫn, dòm thấy lòng bất nhẫn những thì thăm.

Trước kim-lâu (48) xiêm bụi áo bùn, vâng biết ý dục lưu mà khép nép.

18) Xem khi sắc dữ nên năm-vẽ (49)

Tướng cơ duyên hẳn trọn ba-sinh (50)

Tiếp theo lời cung-nữ : nói rằng ; Khi Bái-công đã đánh được Tần vào đến xứ Chỉ-Đạo, vua Tần là Tử-anh đi xe trắng ngựa trắng (Tử-Anh là cháu nội Tần-thủy-Hoàng, đương có tang) ra đầu hàng mà Bái-Công không nỡ giết.

Cung-nữ thấy lòng nhận-từ của Bái-Công thì cùng nhau thì thăm khen ngợi.

Mãi đến khi Bái-Công đã vào đến nơi cung cấm của Tần đang khi xiêm bụi áo bùn trước chốn lầu vàng, lại nghe Bái-công có ý muốn ở lại nơi cung Tần thì cung-nữ thấy e lệ khép nép, mong được thừa ân.

Ngắm đi ngắm lại tướng mạo và oai-nghi Bái-công thật đã nên chữ « năm-vẽ » như đã nói ở đoạn này năm sắc doanh trên núi Man-đăng thì cung-nữ tưởng hẳn có cơ-duyên được Bái-công yêu, may mà được trọn ước « ba-sinh ».

CHỮ - THÍCH :

47) Chi-đạo 柢道 tên đất, xứ Chi-đạo ở gần Cung Tần.

48) Kim-Lâu 金樓 lầu sơn son thếp vàng.

49) Năm vẻ : chữ gọi là ngũ-thê 五彩 năm sắc hoặc gọi là 五雲 ngũ-vân. Một đám mây có đủ năm vẻ là đám mây ứng điềm lành. hoặc có triệu Đế-vương hưng khởi.

50) Ba-sanh, chữ gọi là Tam-sanh 三生 (Điền này có hai điền khác nhau, nhưng thường dùng chung một nghĩa là nguyên có duyên vợ chồng từ kiếp trước. Hai điền ấy là :

1') Truyền-dăng-Lục 傳燈錄 chép : một người chiêm bao thấy đến trước một vị sư già, một nén nhang đốt đang cháy còn sợi khói nhỏ ; sư già chỉ nén nhang mà nói đó là một nén nhang nguyên của một người đi cúng lễ. Nay cách ba đời mà nhang còn đỏ.

2') Cam-trạch-dao 甘澤謠 chép đời Đường Lý-Nguyên cùng ông sư Viên-trạch quen nhau. Trạch thường nói chúng ta quen nhau đã hai đời rồi, lại hẹn sau 12 năm sẽ gặp nhau tại chùa Thiên-Trúc Lý-Nguyên y ước, đến thấy một người trẻ chẵn râu hát rằng : Tam sanh thạch thượng cữu tình hūn. Thưởng nguyệt ngâm phong bất yếu lôn. Làm quý tình nhân viễn tưởng phỏng. Thử thân tuy di tánh thường tồn. (1) 三生石上舊精魂 賞月吟風不要論

慚愧情人遠相訪 此身雖異性常存

(1) Đá ba-sanh khấn tình sy ; thú vui trăng gió nói chi thêm buồn. Thăm nhau thẹn với tình nhân ; Thân này tuy khác tánh còn như xưa.

19) Bất kỳ may gặp hội rồng bay (51) ầu lửa bén hương
lày (52) cho đáng số,

Giải cầu rủi nhằm hơi khi-tắm (53) nữ hoa trôi
nước chảy (54) cũng oan tình !

20) Hẩn quan gia (55) mà thực dạ ái-nhân (56),
Đành Thánh Thế (57) nữ đề ai oán-nữ (58).

Máy được như thế, hẳn là không hẹn mà nên gặp hội « rồng mây » (như cá gặp nước như rồng gặp mây) thì cũng trọn nguyên hương lửa ba-sanh đã nên đáng số may mắn. Ấy là lời cung nữ ao ước được gặp Bái-Công. (Vì chữ Long-Phi Tỵ-Thủy 龍飛況水 rồng bay ở sông Tỵ-Thủy trong chuyện Bái-Công).

Nếu rủi gặp phải Hạng-Vũ thì thiệt thòi quá, hóa ra vô duyên vô vị như hoa trôi nước chảy; câu thơ xưa đã nói « Thủy lưu hoa tạ lưỡng vô tình 水流花謝兩無情 » hoa trôi nước chảy có tình gì đâu.

Vậy thì xin ngài đã có tiếng là khoan nhân, ái nhân thì ngài có lòng nào ghét bỏ chị em chúng tôi phải lẽ loi duyên phận của gái không chồng.

CHÚ-THÍCH :

51) Rồng bay ; Long Phi 龍飛 trong kinh Dịch có chữ. « Long phi tại thiên » : Rồng bay trên trời (Vị khi vua lên ngôi).

52) Lửa bén hương lây. Người xưa dùng hương lửa mà thờ nguyên trước quỷ thần. Kinh Phật gọi sự khế hợp nhân-duyên vợ chồng là « hương hoa nhân duyên ».

Thơ Bạch-cư-Dị : Hương hỏa nhân duyên cửu nguyên đồng 香火因緣久願同 Cùng nhau hương hỏa nhân - duyên từ ngày...

53) Khỉ tắm. Người nước Sở bình phẩm Hạng-Vô gọi là con khỉ mà đội mão : một hầu nhị quan 沐猴而冠 Hai chữ ấy tác giả muốn khôi hài cất nghĩa đen : một là tắm, hầu là khỉ cho vui ; chứ thật ra một hầu là con khỉ độc. — Hạng-Vũ giữ tánh khờ và hung bạo nên có lời bình phẩm như thế.

54) Hoa trôi nước chảy « nghĩa như đã kể ở đoạn trên ».

55) Quan-gia. 官家 Sử Tể chép lời Công-Chúa Vĩnh-Ninh nói với Tống-thái-Tổ « Quan gia tác thiên-tử nhật cửu, khởi bất năng dụng kim trang kiên, dư thừa dĩ xuất nhập 官家作天子日久豈不能 用金装肩輿 乘輿以出入 Ngài làm vua đã lâu, khá lại không thể dùng cái kiệu bịt vàng mà đi vào ra sao ?

56) Ái-nhân 爱人 là yêu người. Bái-Công có tiếng khoan-nhân ái-nhân, lòng nhân rộng rãi hay yêu người.

CHU-THÍCH :

(57) Thánh-thế 聖世 là đời của Thánh. — Vua có đức như Nghiêu Thuấn 堯舜 gọi là Thánh-Thế.

(58) Oán-nữ 怨女 Mạnh-Tử nói : nội vô oán nữ 內無怨女 trong không gái không chồng... ý nói đời thanh trị mọi người có lứa đôi có sự nghiệp v. v.

21) Âu-ca (59) thuở về cùng Thuấn-Vũ (60); Cao-Dao, Hậu-Tắc nào ngăn (61)

Huyền-Hoàng (62) khi lại với Thang Văn (63), Y-Doãn, Châu-Công há cấm.

22) Sao trong trướng chưa chút chì mát mặt,
Mà ngoài sân đã lắm tiếng oai tai ?

Tiếp theo cung nữ lấy chuyện xưa mà ví chuyện đương thời rằng « Khi vua Hạ-Vũ nối ngôi vua Thuấn thì trong thiên hạ bao nhiêu người trẻ, già, trai, gái đến mừng rỡ chúc tụng, thì những ông tòi tòi giỏi như Cao-Dao, Hậu-Tắc sao không cấm ngăn sự âu-ca.

Lại như khi Thành-Thang 成湯 Văn-Vương ban ân đức cho dân, thì đã biết bao nam phụ, lão ấu, đem lụa vàng (Huyền hoàng) đến dâng tiến chúc mừng thì những ông hiền thần như Y-Doãn, 伊尹 Châu-Công 周公 chẳng cấm.

Vả lại chị em chúng tôi ở trong màn trướng đã được chút ân huệ nào đáng gọi là mát mặt, mà các tướng sĩ ở ngoài đã buong tiếng oai tai ?

Đoạn này nói Bái-Công có ý muốn ở lại nơi cung Tần, nhưng bị lời can ngăn của các tôi văn võ là Trương-Lương và Phàn-Khoái nên cung nữ trách giận Trương - Lương, Phàn-Khoái v. v.

(Hai đoạn trên này đều ngụ ý của tác-giả chỉ trích kẻ sàm nịnh lúc bấy giờ.)

CHÚ-THÍCH:

(59) Âu ca 謳歌 là bài hát chúc tụng ân đức của Vua.

(60) Thuấn 舜 vua Thuấn (2255 Trước) nối ngôi vua Nghiêu. Vua Vũ 禹 nhà Hạ nối ngôi vua Thuấn.

(61) Cao-Dao 皋陶 Hậu-Tắc 后稷 là hai hiền thần giúp vua Thuấn, vua Vũ.

(62) Huyền Hoàng 玄黃 Màu đen, Màu vàng. Sách Mạnh-Tử chép: Tuy khuyết sĩ nữ, phỉ khuyết huyền hoàng, thiệu ngã Châu-vương ân hưu: Kể sĩ nữ thấy vui vẻ dựng trong khay những cây lựu màu huyền màu hoàng đem đến dâng vua nhà Châu để cảm phục ân đức của vua 綏厥士女隤厥玄黃紹我周王恩休

(63) Thang, Văn 湯文 Tên hai vị Đế-vương vua nhà Thương 商 nhà Châu 周 (Thành Thang nhà Vương, Văn Vương nhà Châu).

(64) Y-Doãn Châu-Công 伊尹周公 là tên hai vị hiền thần làm tôi vua Thành-Thang và vua Văn-Vương.

(65) Oi tai. Oi là làm rộn. Oi tai: làm ồn ào rộn rịp nghe chác tai khó chịu.

23) Ngao ngán thay nắng chẳng thương hoa,
Ghê gớm bấy mây nào xốt nguyệt.

Tiếp theo ý oán hờn của cung nữ nói thêm rằng: ngao ngán thay nắng kia có yêu gì đến hoa và ghê gớm bấy mây nào xốt nguyệt. Nắng là bóng mặt trời ví vua Hán Cao Tô (Bái-công). Mây có nghĩa là mây theo rồng (Vân tùng long 雲從龍) chỉ các cận thần của Hán Cao-Tô là Trương Lương và Phan Khoái. Hoa và nguyệt ví Cung nữ. «Nắng ví Hán Cao-Tô. «Mây» ví Trương Lương, Phan Khoái ví Trương Lương, Phan Khoái can ngăn không cho Bái-công ở lại Cung Tàn nên cung nữ oán.

24) *Ngon xich xý (66) ùn ùn về Bá-Thượng (67), hoa
trôi nước chảy lạt lẽo thay tình.*

*Má Lam-diền (68) dưới dưới để Quan-Trung (69),
phấn rũ hương phai bề bàng bấy phận.*

Tiếp lời oán trách của Cung nữ rằng : khi đã kéo cờ đỏ (xích xí) về Bá-Thượng rồi thì còn gì nữa là mặt nồng, chị em chúng tôi sẽ là «hoa trôi nước chảy» lạt lẽo thay tình. Chị em chúng tôi dù có đẹp như tiên nữ ở Lam-Điền cũng để sót lại đất Quan-Trung cho phấn rũ hương phai bề bàng với thân phận đó thôi.

CHÚ-THÍCH :

(66) Xích xý 赤幟 Cờ đỏ, là hiệu của vua nhà Hán tức Bái Công.

(67) Bá Thượng là tên nơi Bái Công đóng quân. Sử ký chép : lúc bấy giờ Hạng Võ binh 40 vạn ở Tân phong Hồng Môn ; Bái-Công binh 10 vạn đóng ở Bá Thượng.

(68) Lam-Điền 藍田 tên Huyện lỵ tại xứ Thiểm Tây, phủ Tây An, có núi Ly Sơn, theo dọc núi ấy có núi Lam-Điền là nơi có mỏ ngọc có tiếng đẹp nhất. Núi ấy cũng gọi là Ngọc Sơn (Má Lam-Điền là đẹp như ngọc hay là má ngọc).

(69) Quan Trung 關中 là Hàm cốc-quan 函谷關 địa đầu nước Tần. Sử ký chép : Quân Sở đánh ban đêm, chôn sống quân Tần hơn 20 vạn dư rồi kéo qua thành phía nam là Tân-phong để cướp đất Tần, song ở cửa ải Hàm Quan có quân Tần đóng giữ rất nhiều nên quân Sở vào không được.

25) *Nín thì những đeo sầu ngậm tủi,
Nói ra đường ép dẫu nài yêu.*

26) *Trật bánh xe (70) là bởi tội Lý Tư (71) nào ai
đem nhứt tiểu khuynh thành (72) mà dựng
Võ (73) gọi vong Tần cho đáng,*

*Dơ roi ngựa (74) ấy nức danh Châu-Hậu (75) lấy
ai đủ thập thần trị quốc (76) mà thầy Nho
(77) rằng trợ Kiệt (78) nên tin.*

Nếu chị em chúng tôi lặng im không nói cho rõ lẽ
thị phi thì vẫn cứ chịu đeo sầu ngậm tủi mãi. Mà nếu nói
ra thì hình như chị em chúng tôi cố ý muốn cho ngài (Bái
Công) phải bị chúng tôi nài ép sự thương yêu.

Vậy xét lại sự thật là thế này: sở dĩ nước Tần mất là
bởi tội Tể tướng Lý Tư, chớ phải đầu chị em chúng tôi
đem nhan sắc nghiêng thành làm cho Bái Công mê say, mà sợ
thất bại như lời Phàn-Khoái (Dựng Võ) nói Cung nữ làm
cho Tần vong.

Vả lại, chớ có bảo bọn đàn bà làm cho vong quốc. Thử
hỏi như đời nhà Châu có bà Ấp Khương 邑姜 vợ vua Võ
Vương đã giúp con là Thành Vương mà nhà Châu được
thạnh trị. Nền đã có tiếng khen thêm Ấp Khương mới đủ
số mười người tôi trị nước (thập thần trị quốc). Mà thầy
nho (Trương Lương) nói chúng tôi như nàng Muội Hỷ 閔姬
đã làm cho vua Kiệt nhà Hạ hoang dâm mà nước phải bại
vong lại gọi là nên tin?

CHÚ-THÍCH:

(70) Trật: nghĩa là sầy, mất. Bánh xe chữ gọi là Quì. 軌 Trật
bánh xe nghĩa bóng là mất nước.

Theo lời Quản tử 管子 chép: Quốc quì bổ ư vị hình, cú kỳ
dĩ thành thừa lệnh nhi tấn thối, vô cầu ư dân, vị chi quốc quì.
國軌布於未形. 據其已成. 乘令而進退. 無求於民. 謂之國軌. nghĩa là
lăn xe của một nước sắp đặt từ khi chưa có hình tích, rồi khi đã nên

CHÚ THÍCH :

rồi cứ nói theo, hiệu lệnh mà cho xe đi tới lui tùy ý, không cầu ở nơi dân thì gọi là xe nước. Ý nói khi đã tính được sự giàu mạnh của nước thì nước được vững, như cho xe lui tới mà không cầu ở nơi dân. Cho nên trật bánh xe lấy ở ý đó nghĩa là mất nước.

(71) Lý-Tư 李斯 là tể tướng của Tần, nhân vua Tần thủy Hoàng đã băng, Tư lăm tờ chiếu giả, giết thái tử Phò-Tô 扶蘇 lập thứ tử là Hồ-Hội 胡亥 lên ngôi, quốc hiệu là Tần nhị thế 秦二世.

Về sau, Triệu-Cao 趙高 là hoạn quan lại mưu giết Hồ-Hội, làm chiếu giả lập Tử Anh là con Phò-Tô mà lập hiệu Tần-Vương 秦王 bỏ hiệu Nhị thế; lại dựng cung A phòng, tiêu phí xa xý, oán vọng cùng khắp phải nát nước.

(72) Khuynh-thành 傾城 người đẹp làm cho nước phải nghiêng đồ (mất nước) Kinh thi 經詩 Triết phu thành thành, triết phụ khuynh thành 哲夫成城哲婦傾城 đàn ông giỏi dựng nên thành, đàn bà đẹp làm cho nghiêng thành.

(73) Dượng Võ, chỉ Phàn-Khoái. Vì Phàn-Khoái có tước phong là Võ-Dương-Hầu 舞陽侯. Khoái lại là em rể Lữ-Hậu, vợ Bái Công, theo tục thường gọi « dượng » là chị dâu gọi người chồng của em chồng. Cung nữ ý xưng là vợ Bái-Công nên gọi Khoái là dượng.

(74) Dơ roi ngựa-Dùng nghĩa bóng, chữ Trước tiên tiên của chàng Lưu-Côn 劉琨 nói chuyện chàng Tô-Địch 祖逖 (Lưu-Côn viết thơ với một người thân nói rằng: « Ta gối giáo đợi sáng, đề bầu đầu giặc đề giệp yên xứ Trung Nguyên. Song chỉ sợ Tô Sanh (Tô-Địch) gươm roi ngựa chạy đến trước ta v.v.

(75) Châu-Hậu 周后 là bà Hoàng Hậu đời nhà Châu, tức là bà Ấp-Khương đã nói trên.

(76) Thập-thần 十臣 mười người tôi là Châu-Công-Đán 周公旦 Thiệu-công-Thích 召公奭 Thái-công-Vọng 太公望 Tác-công 畢公 Vinh-Công 榮公 Thái-Điền 太顓 Hoàng-Yên 閼天 Tân-nghi-Sanh 散宜生 Nam-Cung-Quát 南宮适 và một bà Ấp-Khương 邑姜 là mười người tôi nhà Châu, như lời Cung nữ nói « lấy ai đủ thập thần trị quốc ».

77) Thầy nhỏ. Trương - Lương 張良 nguyên có 5 đời làm tướng nước Hàn 韓. Khi nhà Tần đánh Hàn mất. Lương bán hết sản nghiệp, đến Thương hải thuê một tráng sĩ có nghề đánh cái chùy, chờ xe vua Tần đi ngang qua bãi Bác-Lăng Sa mà đánh. Tuy đánh không trúng nhằm xe của vua Tần, cũng đã làm cho Tần mất vía, Vua Tần sai tìm bắt Lương trốn đến xứ Hạ-Bì đổi tên họ. Sau Lương theo Bái Công làm mưu thần được phong tước Lưu Hầu 留侯.

CHÚ THÍCH :

Sử ký chép Trương Lương có xưng là nho nhã khí tượng nên cung nữ gọi là « Thầy nho ».

(78) Trọ Kiệt 助傑 : giúp vua Kiệt. Nàng Muội Hỷ 妹喜 là vợ vua Kiệt nhà Hạ. Nàng là con gái họ Hữu Thi, có sắc đẹp mà không có đức lành ; lại ưa ăn mặc như đàn ông, đeo cung tên đi săn bắn và hay nghe bọn hoạn quan sàm nịnh ; xây dựng lâu đài suốt ngày đêm, ham mê tửu sắc, làm cho vua Kiệt bỏ phế việc nước, nhân dân oán vọng, các chư hầu bỏ vua Kiệt mà thẳng vua Thành thang lên ngôi.

Vua Kiệt phải bị giam ở Nam-sào, ở đó cùng chết với Muội-Hỷ.

27) Trọn con người (78a) không găm cuộc tang thương (79)
Uốn cái lưỡi (80) chỉ dày duyên phần đại (81).

28) Mặt bán thịt mới mua duyên năm nọ, chẳng qua
bình di nó đánh ghen thay.

Gan cấp dui làm mất vía ngày xưa, cũng vì bởi
chúa mình lây giận mãi.

Tiếp theo lời cung nữ mắng Phàn Khoái rằng: Sao đã trọn con mắt mà xét tình hình cuộc thế lại không găm đến cuộc tang thương.

Lại mắng Trương Lương rằng đã biết dùng ba tấc lưỡi đi thuyết khách lại làm mưu thần cho Bái Công, có tài năng như thế mà không để ý nơi chuyện quan trọng, mà chỉ uốn tấc lưỡi mềm mà nói dày vò duyên phần son của bọn con gái đàn bà làm gì thêm lắm chuyện (có bản chép « Liếc » con người không găm cuộc tang thương),

Cung nữ còn mắng thêm Phàn-Khoái rằng : Mặt bán thịt mới mua duyên năm nọ, chẳng qua bình di nó đánh ghen thay nghĩa là Phàn-Khoái nguyên làm nghề bán thịt, sau theo Bái Công mà lập thân Khoái lại là em rể Bái Công, vợ Khoái là em Lữ-Hậu,

Lại mắng Trương-Lương rằng có gan dùng tráng sĩ cấp dui đánh vua Tần tại bãi Bát-Lăng-Sa làm cho vua Tần mất vía là vì chúa mình mà lây giận đến Tần, lây giận đến Cung nữ.

CHÚ-THÍCH :

(78a) Trợn con người : Sử ký chép khi Phàn-Khoái vào cứu cấp Bái Công ở tiệc Hồng-môn hội-ân, Hạng Vương thấy Khoái có khí vũ tráng kiện, mắt trợn gần rách khoé, tóc chùng dựng dậy chỉ lên trời, thì khen tráng sĩ rồi cho mời thịt và rượu.

(79) Tang thương 桑滄 Dầu bễ, bãi bễ hóa cồn dầu, nói sự biến dời cuộc thế. Lời tiên nữ Ma-Cô 麻姑 nói đã thấy một nơi ba lần hóa bãi bễ và ba lần hóa cồn dầu (Liệt tiên truyện 列仙傳).

(80) Cái lưới. Sử ký chép : Lưu hầu 留侯 là Trương-lương có nói... nay chỉ dùng ba tác lưới mà làm thầy Vua : Kim dĩ tam thốn thiết vi đế giả sư 今以三寸舌為帝老師. Có bản chép « Uốn tác lưới » tức là « Thốn thiết »

(81) Phấn là phấn trắng dùng chất tinh của chi luyện thành phấn. 粉黛 là thứ vỏ con ốc có màu đen xanh dùng kẻ mày đàn bà, gọi là Loa đại 螺黛.

Phấn đại là đồ dùng trang điểm của phụ nữ.

29) Sức bạo nả cũng lao lư dưới bệ (82)

Trung với ai mà thổ, thể bền màn (83)

30) Có chẳng loài bảo ngọc mê tình, ngân giọt dãi phủ ông (84) cũng phải.

Nào những kẻ hương hoa chực phận, nữ dứt lòng du tử (85) cho cam.

Cung nữ còn mĩa mai thêm những lời bảo Phàn-Khoái rằng sức lực có bao nhiêu mà cũng hăm he dọa nạt ở dưới bệ rồng là khi Phàn Khoái vào cấp nạn Bái Công ở Hồng-môn.

Lại mắng Trương Lương có lòng trung tín với ai mà cũng lo toan việc mưu này kẻ kia ở nơi chỗ màn trướng của Bái-công. Vì nguyên Trương Lương đã năm đời làm tướng của nước Hàn, nay chẳng qua theo Bái-công là dựa thể lực chó phải đầu Lương có lòng trung tín thực.

Cung nữ lại nói: Nếu bảo rằng Bái Công thấy châu báu vàng ngọc và kho tàng của Tần nhiều mà Bái Công thêm chảy bột dãi mà can ngăn cũng đáng; chớ vốn ở đây toàn là người cung nữ đang hương hoa chực gọi thần phật, sao lại nỡ dứt lòng kẻ du tử (Bái Công) cho đành?

CHÚ-THÍCH :

(82) Khi Bái Công đến hội ẩm ở Hồng môn, có cơ nguy đến tánh mạng, thì Phàn Khoái đã đến nơi cứu cấp có thái độ rất đồng mãnh và can cường nên Hạng Vương phải trọng đãi mà Bái Công cũng được thoát nạn .

(83) Sử ký chép chuyện Trương Lương khi làm mưu thần cho Bái Công thì tuy lo toan kế hoạch ở nơi màn trướng mà quyết hơn ở ngoài nghìn dặm .

(84) Khi Bái Công muốn ở lại cung Tần thì Trương Lương hỏi rằng Ngài muốn làm vua Hán thì nên bỏ cung Tần, nếu muốn làm ông nhà giàu thì nên ở lại cung Tần v.v..(Sử ký chép)

(85) Khi Bái Công đánh được Tần rồi về thăm làng cũ là xứ Bái, cùng phụ lão uống rượu và hát bài Đại-phong-ca 大風歌 có câu... Du tử bi cố hương... 遊子悲故鄉 nghĩa là kẻ đi ra ngoài thương nhớ nơi làng cũ .

31) Thuở dòng cừ (86) lòng sở hảo sao chịu ?

Nay tày nhập (87) sức hữu vi lại cấm ?

32) Một là bồi dục mình oai chín quận (88), phải
lánh ra dành đề tướng-quân (89) vào.

Hai là toan theo dấu thú năm hồ, đề dành lại
lần đem Tây-tử (91) bước.

Cung nữ hỏi Trương Lương Phàn Khoái rằng sau khi Bái Công còn đương ở lánh chốn Hồng môn thì Bái Công có ý ra gái đẹp và của cải thì lại chịu theo lòng sở hảo ấy? mà nay khi đã do hướng tây mà đến đây là khi đã hưng khởi làm gì muốn gì được nấy sao lại cấm ngăn không cho Bái Công được như lòng sở hảo là sao ?

Hoặc giả các ông sợ Hạng Vương có oai phong lẫm liệt làm cho chín quận phải dặt mình sợ, mà các ông phải chịu lánh đi nơi khác đề cho Hạng Vương (Tướng quân) vào Tần Cung chẳng! Hay là các ông có ý muốn tư kỷ cho thỏa ý mình như ông Phạm Lãi ngày xưa chực đề đem chị em chúng tôi đi với, như Phạm Lãi đem Tây Thi chơi Năm Hồ cho thích chí?

CHÚ-THÍCH :

(86) Đông cư 東居 ở miền đông: Sử ký chép: Khi Bái Công còn ở miền Đông Sơn, có tánh ưa trừ sắc và tài bạch .

(87) Tây nhập 西入 vào miền tây. Bái Công do miền Tây xứ Hàm-Dương mà vào nước Tần.

(88) Oai chín quận. Khi Hạng Võ tự lập mình làm Tây-sơ bá-vương 西楚霸王 thì oai quyền trùm khắp, chín quận phải sợ phục.

(89) Tướng quân 將軍 là gọi Hạng Vũ tức Hạng Vương. 項羽

(90) Năm hồ : Chữ gọi Ngũ Hồ 五湖 Sách Trương Bật Ngô lục 張勃吳錄 chép tên Năm Hồ là Thái Hồ 太湖 . Sách Sử ký sách ần 史記索隱 lại chép Năm hồ là : Thái Hồ 大湖 Đồng-Đình 洞庭 Bành-Lãi 彭蠡 Sào-Hồ 巢湖 và Giám-Hồ 鹽湖

(91) Tây Tử 西子 tức là Tây-thi 西施 cũng gọi là Di-quang 夷光 nguyên một người gái quê ở xóm Vũ-La 烏蘿 . Đời Xuân-thu, mưu thần của Việt-Vương là Phạm Lãi đã mua Tây Thi dạy đàn hát và cách châu hầu đề dâng cho Ngô Vương, làm cho Ngô Vương say đắm mà phải mất nước. Ấy là dùng kế mỹ nhân mà trả cừ thù cho Việt Vương đã bị thua Ngô Vương.

Sau khi phục thù đã thành công, Phạm-Lãi không xin chức tước, chỉ xin Tây Thi rồi cùng xuống thuyền đi chơi rong ở Năm hồ về sau biệt tích.

33) Đã đắng nghét một liều thuốc độc (92)

Lại chua le ba tác lưỡi mềm (93)

34) Bồi lẽ loi vì phận khách bình bông (94), lần kim-
giáp (95) để hơi hương chẳng thấu.

Vì may mắn như duyên ai kỳ trữu (96) dặng bích-
y (97) chỉ chút bụi nào rơi.

Cung nữ vẫn than : Chị em chúng tôi đã đắng nghét như bị uống một liều thuốc độc, mà còn nghe các ông nói chua chát thay, sàu thêm thay, các ông khéo uốn ba tác lưỡi mềm.

Chị em chúng tôi bồi lẽ loi như cánh bèo trôi làm thân phận một người khách ở xứ người cho nên không được may mắn được thấu hơi hương sang quý ở nơi áo giáp vàng của Bái Công.

Nếu chị em chúng tôi may mắn được như ai nâng khăn sửa túi, thì chỉ đến nỗi phải mang tiếng «Bích y» làm cho bụi lấm đến mình,

CHÚ THÍCH :

(92) Khi Phàn Khoái can Bái Công chớ nên ở lại cung nhà Tần thì Bái Công không bằng lòng lại không nghe lời cho nên Trương-Lương nói thêm câu :

«Trung ngôn nghịch nhĩ Lợi ư hành, độc dược khồ khẩu lợi ư bệnh, nguyên thính khoái ngôn»: Lời nói ngay nghe trái tai, nhưng có ích cho việc làm, vị thuốc độc uống đắng miệng mà có ích cho bệnh xin Ngài nghe lời nói của Phàn-Khoái 忠言逆耳利於行毒藥苦口利於病願聽膾言

(93) Lưỡi mềm (xem chú thích số 80).

(94) Bình bông 萍蓬. Bình là cánh bèo, bông là cây cỏ bông : bèo sanh trên nước thường trôi nổi ở không định nơi, cỏ Bông sanh trên bãi bề như một chùm lá thông, mỗi khi gió thổi cỏ lảng chạy khắp nơi cũng như tai bèo, ví người ở rày đây mai đó,

(95) Kim giáp 金甲 áo giáp bằng những mảnh thép cứng kết lẫn với sợi tơ bền thành áo mặc để đỡ tên bắn. Lần kim-giáp là cái áo giáp làm từng đoạn thép cứng.

CHỮ THÍCH :

(96) Ky Trửu 箕箒 là cái nia, cái dần, cái chổi, cái cào v.v... là đồ dùng của người đàn bà coi việc nội trợ. Sử ký chép khi ông Lữ-Công muốn gả con gái là Lữ-Trĩ cho Bái-Công, có nói : Thần hữu tức nữ, nguyên vi quý Ky-Trửu thiếp : Tôi có đứa con nhỏ, xin làm tiểu thiếp nguyên giúp việc ky-trửu cho ngài là ông Quý (臣有息女願爲季箕箒妾)

(97) Bích-y 壁衣 là cái áo vách : Vách làm hai lớp để cất hoặc giấu vật gì ở trong.

Khi Lữ-Hậu và Thầm-Tự-Cơ 蓀食其 là vợ và gia thần của Bái-Công bị Hạng-Vô bắt giam chung một nhà thì Lữ-Hậu đã có tư thông với Thầm-Tự-Cơ ; về sau Bái-Công băng, Huệ-Đế còn nhỏ, thì Lữ-Hậu lên cầm quyền trị nước, ở trong Cung có xây vách hai lớp để giấu Thầm-Tự-Cơ ở trong cho tiện khi tư thông với nhau.

Nay Cung-nữ nhắc lại chuyện cũ của Lữ-Hậu đã mang tiếng xấu... mà tự xưng Cung-nữ nếu được làm vợ Bái-Công thì đâu đến nỗi mang tiếng như bụi lấm mình.

35) *Lượng bao-dung (98) dù quyết hẹp hòi*

Từ minh-đạt (99) có đầu làm lỗi.

36) *Nào thuở trước núp rừng cây, nghe lạc ngựa, thấp thoáng bóng dù dạng kiệu, những than thầm chỉ cả trượng-phu (100),*

Đến bây giờ ngồi lầu ngọc ngắm tranh người, xôn xao trên nệm dưới màn, lại làm sinh ngói cao Hoàng-Đế (101).

Cung nữ trách rằng nếu như Phan Khoái, Trương Lương có bụng hẹp hòi không bao dung cho chị em chúng tôi thì mặc, chớ như Bái Công ngài có tư sáng suốt và độ lượng lớn rộng thì dễ nào lại làm lỗi ru.

Vả lại sao Bái Công ngài không nghĩ lại nhớ đến khi ngài lánh vua Tần-Thủy-Hoàng ở rừng núi Mang-Đản, mỗi khi ngài thấy bóng kiệu tàng, xe ngựa của Tần-thủy-Hoàng thì ngài cứ than rằng: « Như vậy là chỉ cả trượng phu ». Đến bây giờ ngài đã làm nên Hoàng-đế ngồi nơi bệ ngọc mà ngắm chị em chúng tôi đẹp như tranh vẽ mà đông nhiều xôn xao trên nệm dưới màn chực hầu hạ Ngài, mà Ngài lại làm sinh ngói cao Hoàng-Đế ?

CHỮ THÍCH :

(98) Bao dung 包容 là rộng lòng dung thứ cho người.

(99) Hoát Đạt 豁達 là rộng rãi có độ lượng lớn.

Minh Đạt 明達 là sáng suốt soi xét đến nơi đến chốn. Hai chữ Minh Đạt cũng như Hoát Đạt. Có bản chép Hoát Đạt.

(100) Chí cả trượng-phu : Sử ký chép : Khi Bái Công theo miền Hàm Dương xem vua Tần Thủy Hoàng, Vì Tần Thủy Hoàng xem khí trời biết miền Hàm Dương (Mạng-Đản) có khí Đế-vương thì Bái Công thường than rằng: Chao ôi! kẻ đại trượng phu phải nên như thế ấy. Đó vì Tần Thủy Hoàng đi có đủ cờ quạt kiệu tâng đi hầu hạ nghiêm trang nên mới than lời ấy. (Ta hồ đại trượng phu đương như thế 嗟乎大丈夫當如是).

(101) Hoàng-Đế 皇帝 là vua. Hai chữ ấy do Tần thủy Hoàng đặt ra trước. Sử ký chép khi Tần thủy Hoàng đã thống nhất thiên hạ rồi, có thiết triều đề bàn việc quốc-sự và đặt ngôi thứ danh hiệu.

Đình thần tâu rằng xưa có Thiên-Hoàng 天皇 Địa-Hoàng 地皇 và Thái-Hoàng 泰皇. Thái-Hoàng là vị vọng tối cao, xin đặt vị vua là Thái-Hoàng. Tần-thủy-Hoàng không chịu, bảo nên bỏ chữ thái mà đặt là Hoàng-Đế 皇帝. Lại bảo về thể thứ đế hệ thì bắt đầu đặt chữ thủy 始 nghĩa là đầu tiên, Thủy Hoàng 始皇 về sau nối theo thì đặt nhị thế 二世 Đời thứ hai. Tam thế 三世 lần mãi mãi đến vạn thế v. v.

Nay cung nữ muốn nói Bái Công bắt chước Tần Thủy Hoàng mà không sung hạnh đến bọn Cung Nữ.

37) Tuy cách mặt khách còn lạ khách,
Nhưng soi gương mình vốn gẻu mình.

38) Gương làm mờ hiệu sắc (102) ngày xưa thì này
chỉ bất tiếu (103) ai dòm, mắt nào sắc cũng
không cơ cất ngọc (104)

Chi đến nối kết duyên (105) đem quanh, song mà
ị ị trung (106) có bức, tay này mềm còn hơn
kẻ che gương (107).

Tuy chúng tôi đối với Ngài còn cách mặt, chúng tôi là người bình bồng nơi khách địa, ngài cũng là người làm khách ở đất Tần này, hai bên đều là khách cả, còn xa lạ nhau; chớ chị em chúng tôi tự biết có sắc tuyệt thế mỗi khi soi gương nhìn nhau sắc thì mình tự yêu mình thấy có dung mạo tuyết trần.

Vậy thì xin Bái Công ngài giả gương làm màu hiếu sắc ngày xưa là khi ngài còn ở Đông Sơn vốn có lòng hiếu sắc có ai dòm, mà dù có ai muốn hại ngài như Phạm Tăng dờ tay cắt ngọc «quyết» để ra dấu quyết giết ngài cũng có chị em chúng tôi bình vực ngài đây, họ dù có đôi mắt sắc cũng không có cơ mưu cắt ngọc.

Đã có chị em chúng tôi bình vực thì ngài đâu đến nỗi nửa đêm sợ Hạng Võ đánh phải đi tìm Hạng Bá mà xin kết hôn nhờ, sau được nhờ Hạng Bá ra múa gươm ở tiệc rượu Hồng Môn mà che chở cho ngài khỏi bị mũi gươm mưu sát của Hạng Trang.

Tay chị em chúng tôi tuy mềm nhưng có tình yêu dấu cũng hơn Hạng Bá là kẻ che gươm cứu ngài ở Hồng Môn

CHÚ THÍCH :

(102) Hiếu sắc 好色 là ưa sắc đẹp của đàn bà con gái. Xem chú thích số 86.

(103) Chí bất tiểu 志不小 là chí không phải nhỏ đâu. Phạm Tăng dòm thấy Bái Công khi ở Đông Sơn có lòng hiếu sắc, khi vào cung Tần lại bỏ lòng ấy thì nói với Hạng Võ phải nên đánh gấp Bái Công, vì Tăng biết chí Bái Công không phải nhỏ.

(104) Cắt ngọc, chữ gọi là Cử-Ngọc 舉玉 dờ ngọc. Khi Hạng-Vô mời Bái-Công dự tiệc tại Hồng - Môn thì Hạng-Bá đã liếc mắt nhìn Hạng-Vô tay cắt hoàn ngọc quyết ý muốn giết Bái-Công giữa tiệc.

(105-107) Kết duyên 結緣 là kết tình hôn nhân với nhau. Khi Bái-Công bị Tào-vô-Thượng nói dèm với Hạng - Vô dục đánh Bái-Công gấp. Bái-Công biết thế yếu chống không lại, nên phải đi tìm Hạng-Bá mà xin kết duyên hôn-nhân để nhờ Hạng-Bá cứu cho. Về sau Bá đã ra múa gươm giữa tiệc Hồng - Môn mà che chở cho Bái-Công.

(106) Ý tại trung 意在中 là ý ở trong. Sử-ký chép: Khi Hạng Trang múa gươm có ý chằm giết Bái-Công rất bức. Trương-Lương đã nói câu ấy với Phàn-Khoái rồi Khoái đến Hồng-Môn chực cứu cấp cho Bái-Công.

39) *Gương trong đuốc rạng mặt lòng trên,
Cỏ mọn hoa hèn đành phận dưới.*

40) *Nơi hang giá (108) vì hơi dương đã thấu, thì trong
nước ai không thần thiếp (109) lộ phòng tiều (110)
cung quế mới vui lòng.*

*Chốn non Kinh (111) dù vẽ ngọc mà lăm, thì dưới
trời dầu chẳng giang sơn, về cửa cỏ (112) rèm
lau càng mát mặt.*

Ngài là một vị Thiên-tử thông minh, sáng suốt như
đuốc rạng gương trong, thì xin ngài sẽ định liệu tùy ý cao
minh Ngài.

Còn như chị em chúng tôi là loài cỏ mọn hoa hèn,
thương nhờ ghét chịu, chúng tôi xin đành chịu phận tỳ-tiện.

Tuy nhiên, chị em chúng tôi xin kết luận một lời rằng :
Chúng tôi đơn cò hàn tiện như dựa ở nơi hang giá rầy rần,
chỉ mong được hơi nắng bóng thái dương là Ngài : chiều
cổ đến được thỏa lòng ái-đôi rồi, chớ lộ phải là được chức
Cung-phụ Hoàng-hậu ở chốn Cung-quế phòng-tiêu mới vui
lòng? (Ý nói được hạnh sủng là thỏa nguyện).

Còn nếu Ngài ảnh hưởng như Lệ-Vương và Võ-Vương
không biết Hoàn ngọc Bích ở nơi núi Kinh-Sơn như
chuyện Biện-hòa ngày xưa, thì chúng tôi cần gì phải xưng là
thần là thiếp, vì ở dưới trời này ở đâu lại không có giang
sơn, thì chúng tôi tự thối thân chốn cung cấm này mà về
nơi cửa cỏ rèm lau lại càng mát mặt.

(Ý nói nếu không hạnh sủng thì về thôi).

CHÚ THÍCH :

108) Hang giá, hơi dương : là nơi hang băng lạnh đóng và hơi
nắng của bóng thái dương. -- Chữ gọi (Dương sanh hàn cốc
陽生寒谷. Hơi ấm sanh nơi hang lạnh ví kẻ bị oán khổ được lẽ
công minh xét đến.

109) Thần thiếp 臣妾 những kẻ đàn ông đàn bà chịu sai sử
việc hạ tiện xưng là thần thiếp. 昇 Kinh dịch : Hữu tật lệ, súc thần
thiếp 有疾羈畜臣妾 có bệnh tật nuôi kẻ thần thiếp. . .)

110) Phòng tiều : Tên một loại diện của bà Hoàng-Hậu ở tại
cung Vị nơi nhà Hán -- Sách Nhĩ - nhã chép = Tiều nóng và có

CHÚ-THÍCH:

hơi ẩm và thơm. Đồi Hán dùng tiêu bột sơn diện cho có hơi thơm và ẩm — Cung quế — Sách Nam bộ yên hoa 南部烟花, chép vua Trần Hậu chúa 陳後主 làm quế cung cho bà Trương lệ Hoa 張麗華 ở tại sau điện Quan Chiêu ở giữa sân diện có trồng một cây quế — trở cửa tròn cánh cửa thủy tinh như hình mặt trăng. Ý theo huyền thần tiên ở trong mặt trăng có cây quế.

(111) Non kinh. Chữ gọi Kinh sơn 荆山 sách Hàn Phi Tử 韓非子 chép đời Tần có người Biện hòa 卞和 ở núi Kinh sơn đem dâng Vua Lệ Vương một hòn đá và tâu rằng ở trong có ngọc bích.

Vua sai thợ ngọc xét bảo rằng không có ngọc. Vua bắt tội « khi quân » của mất một chân. Sau đến Võ-vương lên ngôi Hòa lại đem đá ấy dâng lại cũng bị tội « Khi quân » lần nữa, cắt mất chân nữa. Đến Văn Vương lên ngôi, Hòa ôm hòn đá khóc ba ngày rách cổ ra huyết. Văn Vương gọi đem چرا ra xem quả có ngọc.

(112) Cửa cỏ rèm lau là nơi gái nghèo ở : Thơ Tần Thao Ngọc vịnh lời than con gái nghèo : « Bồng môn vị thức ỷ la hương » 蓬門未識羅香 nơi cửa cỏ rèm lau chưa từng biết hơi thơm là lược

41) Âu là cũng tiếc chung mới nói,
Há dám rằng giận lẽ mà kêu.

42) Đứng khiếp nơi năm bước một lâu (113,) song nghê
thành kia (114) nghiêng thì đỡ, nước kia lở thì
nâng, khó chi vận nữ-hung (117) tay thành chúa

Xin gác nổi một cười nghìn lượng (116) dám khoe
canh (114) này vụng nhưng quen ; rượu này (118)
què nhưng thuộc, để có dàu tái-đắc mặt giai-nhân

Khí đã kết luận sự ở và về như đã nói trên kia, thì cung-nữ lại thêm rằng : Chị em chúng tôi sở dĩ nói là vì tiếc chung cho chị em chúng tôi mà nói chớ đâu phải là chỉ vì giận riêng hơn lẽ mà kêu nài.

Vậy xin ngài chớ ngại chỉ nơi A-Phòng cung này là nơi « năm bước một lầu » và cũng chớ ngại chỉ dung mạo chị em chúng tôi là nghiêng thành nghiêng nước ; vì nếu như thành kia có đổ, nước kia có nghiêng thì có tay ngài là tay « Ngũ Hưng » thánh chúa sẽ nâng đỡ cho .

Bởi vậy xin ngài hãy gát ra một bên những dung mạo chị em chúng tôi tốt tươi một tiếng cười giá đến ngàn vàng ; sự ấy xin hãy bỏ qua chớ nên nói ; chị em chúng tôi xin nói và xin khoe rằng dù « Canh » chúng tôi vụng nấu nhưng đã quen nấu ắt cũng dùng được, rượu chúng tôi tuy què, tuy dở nhưng vẫn thuộc vẫn sành, có thể ngài dùng được, thì sự nội trợ của chúng tôi vẫn đặc thù lắm. Và xin khuyên ngài một điều là mặt giải nhân vốn khó có và khó có lại như người đã nói « Giải nhân nan tái đắc » đó mà.

CHÚ THÍCH :

(113) Năm bước một lầu, câu này dùng chữ ở bài phú « A phòng cung » của Đỗ Mục 杜牧 có câu « ngũ bộ nhứt lầu, thập bộ nhứt các » 五步一樓十步一閣 năm bước một cái lầu, mười bước một cái gác (có rất nhiều lầu các).

(114) Nghiêng thành nghiêng nước chữ gọi « Khuynh thành khuynh quốc » 傾城傾國 Kinh thi 經詩 « Triết phu thành thành, Triết phụ khuynh thành 哲夫成城 哲婦傾城 Người đàn ông giỏi xây dựng nên cái thành, người đàn bà đẹp làm cho thành phải nghiêng đổ.

(115) Ngũ hưng là năm điềm tốt làm cho nước nhà được hưng khởi (xem chú thích số 4 trang 6 sẽ rõ).

(116) Thơ Lý Bạch 李白 có câu « Mỹ nhân nhất tiếu thiên hoàng kim » 美人一笑千金 Một tiếng cười (nụ cười) của người mỹ nhân giá đáng nghìn vàng.

(117) « Canh » một vị ăn dùng thịt nấu với nước có gia vị thơm như ta thường gọi thịt xáo, hoặc nấu với các thứ rau như canh thập tàng v.v.

Chữ canh dùng ở câu này có lắm ý và lắm sự trạng của Bái công như sau này :

1') Sử ký chép khi Hạng Vương bắt được Thái Công là thân phụ của Bái Công muốn dọa Bái Công và bắt phải về đầu hàng thì đem Thái Công để trên ghế hạ thịt có đủ dao thớt mà bảo Bái Công rằng: Nay nếu không hàng ta ngay thì ta làm thịt Thái Công. Bái Công trả lời rằng: Ta cùng Hạng Vương khi phụng sự Hoài Vương để đánh Tần thì đã ước kết làm anh em với nhau, thì cha ta tức là cha mầy, nếu mầy làm thịt cha ta, sẽ chia cho ta một bát thịt xáo . . .

2') Sử ký lại chép: Khi Bái Công đang làm đình trường, một hôm ăn cơm ở nhà người anh, có vị canh ngon, Bái Công ăn hết còn đòi thêm. Người chị dâu dưới bếp không muốn múc canh thêm, nên lấy cái vá cào trong trách nghe tiếng rột rột, ý bảo canh đã hết sạch phải vét đã hết rồi.

Về sau khi Bái Công làm vua thì phong chức tước hầu cho người cháu tức là con mẹ chị dâu múc canh ấy là «Dát canh hầu» 戛羹侯 tước hầu vét canh.

3') Vua Tự Đức vịnh ông Bái Công có câu «Phong hầu còn nhớ kẻ khua môi» (khua môi là khua cái vá múc canh).

(118) Rượu. Chữ rượu này chỉ tính ham tửu sắc của Bái Công.

Sử ký chép khi Bái Công còn nhỏ tánh ham ưa tửu và sắc. Thường theo hai mẹ Vương Xương, Vô Phụ mà uống chịu rượu . . .

(119) Giai nhân nan tái đắc; người đẹp khó có lại; Câu này nguyên của Lý Diên Niên 李延年 Tới vua Hán Võ Đế muốn dâng người em gái rất đẹp làm cung nhân, thì đã hát cho Võ Đế nghe câu «Bắc phương hữu giai nhân. Tuyệt thế nhi độc lập. Nhất cổ khuynh nhân thành, tái cổ khuynh nhân quốc. Ninh bất tri khuynh quốc dự khuynh thành, giai nhân nan tái đắc»

北方有佳人絕世而獨立一顧傾人城再顧傾人國寧不知傾國共傾城佳人難再得 nghĩa là ở phương bắc có người đẹp đã tuyệt thế mà chỉ đứng một mình, không ai sánh kịp. Mỗi khi người đẹp đoái ngó thì cả thành người phải đổ theo, Đoái lần nữa, cả nước đổ nghiêng theo. Sự nghiêng thành nghiêng nước chớ cần biết làm gì, chỉ nên biết người đẹp khó có một lần nữa (Ý nói nếu để già rồi đâu tìm cho thấy nữa).

Võ Đế bèn khiến Lý Diên Niên dâng lên xem, quả đẹp thật.

43) Xin chớ cười lời khách kiều kiều (120)

Cùng gửi lạy đức ông hoát đạt (121)

Khi đã cạn lời, cung nữ còn nói tiếp rằng : Xin ngài
chớ có cười chị em chúng tôi là bọn khách dụ dàng
tươi tốt này và cũng xin bái từ đức ông hoát đạt.

CHÚ THÍCH :

120) Kiều Nghiêu 嬌嬈 nghĩa là dụ dàng tốt tươi, dung mạo của
dàn bà con gái. Song nguyên trước là Kiều Nhiêu 嬌嬈 sau thường
dùng Kiều Nghiêu cùng một nghĩa.

Thơ Đỗ Phủ (Giai nhân lữ xuất Đồng Kiều Nghiêu người đẹp thường
xuất hiện như nàng Kiều Nghiêu họ Đồng 佳人屢出董嬌嬈. Vậy nguyên
tên người sau dùng thành thói quen.

121) Sử ký chép chuyện Bái Công có câu (Để hoát đạt đại độ khoan
nhân ái dân 帝嘗達大度寬仁愛人. Ngài có tánh rộng rãi lớn lao,
thường rộng hơn và yêu người.

Chữ hoát 豁 có bản chép là khoát 濶 là sai. Khoát nghĩa là
viển vông chớ không phải là rộng rãi.

H ẾT

BỊ CHỮ

Bài Tàn cung-nữ oán Bái Công văn này, gồm có 86 câu tức
là 43 câu biến ngẫu và 121 số chú thích rất lủng, tưởng cũng đã
gọi là hết ý nghĩa rõ mạch lạc. Song biết đâu còn có điều sai lầm
do sự sang đi chép lại hoặc biện luận khác ý nhau,

Vậy mong các bậc cao minh quân tử, nếu còn có nơi sai lầm
xin chỉ giáo thêm chớ, mong được cải chính.

Đa tạ,

TÔN THẤT LƯƠNG

(Vân-Bình cư-sĩ)

己丑年孟冬吉日

秦宮女怨沛公文

鄧陳常先生撰

雲
屏
尊室琅註疏

NHA IN DUC-THINH

32, đường Gia-Hội, 32

H U I S